

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2337/SNN&PTNT-TL ngày 04/6/2021 về việc phê duyệt Phương án phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Ban Chỉ đạo QG về PCTT;
- Ủy ban QG UPSCTT và TKCN;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP TT Chỉ huy PCTT tỉnh và VP TT Chỉ huy PTDS, UPSC, thiên tai và TKCN tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

(để b/c);

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHƯƠNG ÁN

Phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I

CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Địa chất số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai.
- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai.
- Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai.
- Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.
- Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.
- Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh Thanh Hóa thực hiện Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chuẩn bị mọi tình huống, phương án, cơ sở vật chất, lực lượng, chủ động triển khai các hành động, biện pháp cần thiết, kịp thời, hợp lý trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra để phòng ngừa, ứng phó và khắc phục một cách hiệu quả.

- Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy điều hành và tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác phòng, chống thiên tai.

- Nâng cao năng lực ứng phó thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu của các tổ chức, cá nhân, khả năng phối hợp, hỗ trợ của các lực lượng và chính quyền các cấp.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động thiên tai của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với phát triển bền vững; tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên - xã hội trước tác động của thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu.

2. Yêu cầu

- Nắm bắt các loại hình thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai có khả năng xảy ra tại địa phương và lĩnh vực quản lý.

- Chuẩn bị kỹ lưỡng, cụ thể từng tình huống, phương án ứng phó kịp thời, hiệu quả.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố phải quán triệt, thực hiện nghiêm túc phương châm “4 tại chỗ” và nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống thiên tai là “phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”; thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.

- Giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động của biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái.

PHẦN II

ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG TỈNH THANH HÓA

I. ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý

Tỉnh Thanh Hoá có tọa độ địa lý như sau:

- Điểm cực Bắc: 20⁰40'N (tại xã Tam Chung, huyện Quan Hóa).
- Điểm cực Nam: 19⁰18'S (tại phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn).
- Điểm cực Đông: 106⁰04'E (tại xã Nga Điền, huyện Nga Sơn);
- Điểm cực Tây: 104⁰22'W (tại chân núi Pu Lang, huyện Quan Hóa).

Thanh Hóa tiếp giáp với các tỉnh và nước bạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp 3 tỉnh, gồm: Sơn La, Hòa Bình, Ninh Bình với đường ranh giới dài 175 km.
- Phía Nam: Giáp Nghệ An với đường ranh giới dài 160 km.
- Phía Đông: Giáp biển Đông với chiều dài đường bờ biển 102 km.
- Phía Tây: Giáp tỉnh Hủa Phăn của nước CHDCND Lào với đường biên giới dài 213,6 km.

2. Đặc điểm địa hình: Thanh Hóa có địa hình khá phức tạp, chia cắt nhiều, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, 3/4 diện tích là đồi núi và được phân thành 3 vùng địa lý rõ rệt, gồm vùng miền núi, đồng bằng và ven biển:

2.1. Vùng miền núi: Gồm 11 huyện (Nhu Xuân, Như Thanh, Thường Xuân, Lang Chánh, Bá Thước, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy và Thạch Thành). Vùng có độ cao trung bình từ 600-700 m, độ dốc trên 25%, địa hình phức tạp, chia cắt gây trở ngại cho phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Vùng đồng bằng: Gồm 10 huyện, thị xã, thành phố (thành phố Thanh Hóa, thị xã Bỉm Sơn và các huyện Thọ Xuân, Thiệu Hóa, Yên Định, Đông Sơn, Vĩnh Lộc, Triệu Sơn, Nông Cống, Hà Trung). Vùng có độ cao trung bình từ 2-15 m, địa hình bằng phẳng, đất đai chủ yếu là phù sa bồi đắp bởi hệ thống sông Mã, sông Yên và sông Hoạt.

2.3. Vùng ven biển: Gồm 4 huyện, 1 thị xã và 1 thành phố giáp biển (thành phố Sầm Sơn, thị xã Nghi Sơn và các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Quảng Xương) với chiều dài bờ biển là 102 km. Vùng đất ven biển nằm ở phía trong các bãi cát có độ cao trung bình từ 3-6 m; ngoài ra còn có một số vùng sinh lầy tại huyện Nga Sơn và các cửa sông thuộc hệ thống sông Mã, sông Yên.

3. Đặc điểm dân số: Dân số toàn tỉnh khoảng 3,67 triệu người; mật độ dân số 328 người/km²; thành thị chiếm 15,01%, nông thôn chiếm 84,99%; người

Kinh chiếm 81,7%, người dân tộc thiểu số chiếm 29,3% dân số toàn tỉnh; toàn tỉnh có 32.023 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 3,27%. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 113.249 hộ/459.430 khẩu đang sinh sống ở các khu vực ven sông, ven biển, khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét và sạt lở đất cần phải sơ tán khi có thiên tai xảy ra.

4. Tăng trưởng kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 11,2% (trong đó giai đoạn 2016-2019 đạt 12,5%), gấp 1,4 lần bình quân giai đoạn 2011-2015 và trong nhóm các tỉnh, thành phố có tốc độ tăng trưởng cao nhất cả nước. Quy mô GRDP (theo giá so sánh 2010) năm 2020 đạt 126.172 tỷ đồng, gấp 1,7 lần năm 2015; đứng thứ 8 cả nước và cao nhất các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 2.510USD, gấp 1,77 lần năm 2015.

- Thu ngân sách nhà nước tăng trưởng mạnh, năm sau cao hơn năm trước. Tổng thu ngân sách nhà nước trong 5 năm đạt 110.043 tỷ đồng, bình quân hàng năm tăng 19%. Thu ngân sách nhà nước năm 2020 đạt 31.418 tỷ đồng, gấp 2,49 lần năm 2015, đứng đầu các tỉnh Bắc Trung Bộ và đứng thứ 11 cả nước. Chi ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 đạt 161.065 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 60.394 tỷ đồng, chiếm 37,5% tổng chi ngân sách địa phương; chi thường xuyên đạt 100.671 tỷ đồng, chiếm 62,5%.

II. ĐẶC ĐIỂM CƠ SỞ HẠ TẦNG TỈNH THANH HÓA

1. Về giao thông: Thanh Hóa là tỉnh có hệ thống giao thông vận tải đa dạng, gồm: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không, cảng biển, bến thủy đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

1.1. Đường bộ: Gồm 13 tuyến quốc lộ dài 1.299,3 km (trong đó, Sở Giao thông Vận tải được ủy thác quản lý 8 tuyến dài 856,3 km; Cục Quản lý đường bộ II quản lý 5 tuyến dài 443 km); 61 tuyến đường tỉnh dài 1.464,7 km; đường tuần tra biên giới dài 135,2 km; 9 tuyến đường bộ khác dài 88,1 km và hệ thống đường địa phương dài 24.183,8 km (gồm đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường chuyên dùng và đường giao thông nông thôn).

1.2. Đường thủy nội địa: Gồm 23 tuyến sông, kênh, có chiều dài 761 km (trong đó, đường thủy nội địa quốc gia 8 tuyến dài 213 km, đường thủy nội địa địa phương 15 tuyến dài 548 km) và 62 bến thủy nội địa, 67 bến khách ngang sông.

1.3. Đường sắt: Có chiều dài 103,5 km đi qua 8 huyện, thị xã, thành phố, gồm 10 ga chính và 1 ga công nghiệp.

1.4. Cảng biển: Có 2 cảng biển (cảng Nghi Sơn và cảng Lễ Môn).

1.5. Hàng không: Có 1 cảng Hàng không (Thọ Xuân).

2. Hiện trạng mạng lưới điện

2.1. Về nguồn điện: Lưới điện tỉnh Thanh Hóa được cấp điện từ 4 TBA

220kV với tổng công suất 1.625 MVA; 27 TBA 110kV với tổng công suất 2.049,3 MVA; 16 nhà máy điện với tổng công suất 1.285,6 MW, trong đó có 11 nhà máy thủy điện, với tổng công suất 597,4 MW, bao gồm: Thủy điện Trung Sơn, Thủy điện Cửa Đạt, Thủy điện Thành Sơn, Thủy điện Bá Thước 1, Thủy điện Bá Thước 2, Thủy điện Cẩm Thủy 1, Thủy điện Bái Thượng, Thủy điện Xuân Minh, Thủy điện Dốc Cáy, Thủy điện Trí Nang, Thủy điện Trung Xuân, 1 nhà máy nhiệt điện công suất 600 MW (Nhiệt điện Nghi Sơn 1), 1 nhà máy điện mặt trời Yên Định, công suất 30 MW; 3 nhà máy điện sinh khối, với tổng công suất 47,7 MW của 3 nhà máy sản xuất đường mía Lam Sơn, Việt Đài và Nông Công.

2.2. Về lưới điện: Mạng lưới phân phối điện được xây dựng khá đồng bộ gồm 393 km đường dây 220kV; 832,2 km đường dây 110kV; hơn 6.857 km đường dây từ trung áp; 31 TBA trung gian 35/10(6)kV; 7.771 TBA phân phối với tổng công suất 2.249,2 MVA; 15.232 km đường dây hạ áp, cụ thể:

- Lưới điện 220kV có chiều dài 393,1 km gồm 12 tuyến, trong đó có các tuyến chính như: Hòa Na - Bỉm Sơn dài 106,2 km, Đồng Văn - Ba Chè dài 71,49 km; Nghi Sơn - Nông Công dài 42,9 km, Ba Chè - Nông Công dài 26,07km, Ba Chè - Nghi Sơn dài 68,107 km.

- Lưới điện 110kV có chiều dài 562,3 km gồm các tuyến chính như: Triệu Sơn - Thọ Xuân dài 36 km, Ba Chè - Nông Công dài 23 km, Bỉm Sơn - Hậu Lộc dài 21 km, Hậu Lộc - Núi Một dài 19,4 km, Hà Trung - Hoàng Hóa dài 25,4 km, Ba Chè - Tây Thành phố dài 17,2 km, Thiệu Yên - Ngọc Lặc dài 30,5 km, Ngọc Lặc - Bá Thước dài 43,4 km, Nông Công - Nghi Sơn dài 56 km. Nhìn chung các tuyến đường dây 110kV đảm bảo khả năng mang tải, cấp điện ổn định cho các trạm 110kV trên địa bàn tỉnh.

- Lưới điện trung áp cơ bản đáp ứng nhu cầu cấp điện trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên một số tuyến đường dây trung áp 10kV đã được đầu tư từ lâu, chất lượng xuống cấp, tổn thất lớn, một số tuyến đường dây 35kV bán kính cấp điện dài, chưa đảm bảo độ ổn định cung cấp điện.

3. Hiện trạng thủy lợi và mạng lưới cấp, thoát nước

3.1. Hệ thống cấp nước:

- Các công trình cấp nước đô thị ở Thanh Hóa gồm: Nhà máy nước Hàm Rồng, Mật Sơn có tổng công suất 85.000 m³/ngày.đêm cấp nước cho thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, các khu dân cư lân cận (Đông Sơn, Hoàng Hóa, Quảng Xương); nhà máy nước Bỉm Sơn 10.000 m³/ngày.đêm cấp nước cho thị xã Bỉm Sơn; nhà máy nước Bình Minh công suất 30.000 m³/ngày.đêm và nhà máy nước hồ Quế Sơn công suất 30.000 m³/ngày.đêm cấp nước cho Khu kinh tế Nghi Sơn; nhà máy nước Hoàng Vinh cấp nước cho thị trấn Bút Sơn và khu dân cư tập trung thuộc huyện Hoàng Hóa và một số nhà máy nước khác cung cấp riêng cho các khu công nghiệp và các thị trấn huyện lỵ.

- Về cơ bản 22/27 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đã có đơn

vị cung cấp nước sạch, còn lại 5 huyện miền núi (Thường Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn, Lang Chánh, Như Xuân) chưa có nhà máy nước sạch và đang đẩy mạnh công tác xúc tiến, thu hút nhà đầu tư cung cấp nước sạch trên địa bàn. Đến nay, tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch khu vực thành thị là 91%; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2020 đạt 95,6%.

3.2. Hệ thống thoát nước: Hầu hết các đô thị ở Thanh Hóa chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 3 đô thị (thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn) có hệ thống xử lý nước thải tập trung, cụ thể: hệ thống thu gom, xử lý nước thải thành phố Thanh Hóa với công suất 15.000 m³/ngày.đêm; hệ thống thu gom, xử lý nước thải của thị xã Bỉm Sơn với công suất 3.500 m³/ngày.đêm; hệ thống thu gom, xử lý nước thải thành phố Sầm Sơn với công suất 6.000 m³/ngày.đêm.

3.3. Hệ thống công trình đê điều, thủy lợi và hạ tầng thủy sản

3.3.1. Hệ thống đê điều: Thanh Hóa có 24 sông lớn nhỏ, với tổng chiều dài đê 1.008 km, trong đó:

- Đê từ cấp I đến cấp III dài 315 km (đê cấp I: 64,7 km; cấp II: 183,5 km; cấp III: 66,7 km); 179 kè với chiều dài 130,85 km; 249 cống dưới đê (trong đó có 2 âu).

- Đê dưới cấp III dài 693 km; 208 kè với chiều dài 105,8 km; 869 cống dưới đê và 1 âu (âu Mỹ Quan Trang).

- Toàn bộ hệ thống đê bảo vệ trực tiếp cho 17 huyện, thị xã, thành phố với 409 xã, trong đó có 242 xã có đê đi qua. Dân số được bảo vệ khoảng 2,8 triệu người, đây là những vùng trọng điểm kinh tế, văn hóa, chính trị của tỉnh. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành Trung ương, đã đầu tư tu bổ, nâng cấp hệ thống đê điều nhưng vẫn chưa đáp ứng so với yêu cầu thực tế, hiện còn nhiều đoạn đê, kè yếu ách cần được tu bổ, nâng cấp để đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai.

3.3.2. Hệ thống tưới, tiêu: Toàn tỉnh có 2.524 công trình tưới, tiêu đầu mối, cụ thể:

- Về hồ đập: Có 610 hồ chứa và 1.023 đập dâng; trong số 610 hồ chứa có 1 hồ quan trọng cấp quốc gia (hồ Cửa Đạt) và 29 hồ lớn.

- Về trạm bơm: Có 891 trạm bơm; trong đó, trạm bơm tưới 792 trạm, trạm bơm tiêu 71 trạm, trạm bơm tưới tiêu kết hợp 28 trạm.

- Về kênh mương: Tổng chiều dài kênh mương hiện có trên địa bàn tỉnh là 15.931 km, đã kiên cố hóa được 8.364 km (chiếm 53%); trong đó, 3 Công ty Khai thác công trình Thủy lợi (Sông Chu, Nam sông Mã, Bắc sông Mã) quản lý 3.174 km, các huyện, thị xã, thành phố quản lý 12.757 km.

- Hiện nay, hệ thống thủy lợi đã giải quyết cơ bản vấn đề cấp nước tưới phục vụ sản xuất, nuôi trồng thủy sản cho các địa phương trên địa bàn tỉnh. Tuy

nhiên, do việc cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi lớn chưa được đồng bộ từ đầu mối đến mặt ruộng, chưa phát huy tối đa hiệu quả đầu tư và các công trình thủy lợi nhỏ (hồ chứa, trạm bơm, đập dâng) hầu hết được đầu tư xây dựng từ những năm 80, 90 của thế kỷ trước nên đến nay đã xuống cấp, không đảm bảo an toàn.

3.3.3. Hạ tầng ngành thủy sản

- Trong những năm qua, đã tập trung đầu tư xây dựng xong các cảng cá Lạch Bạng, Lạch Hới, Hòa Lộc (Hậu Lộc), Hoằng Trường (Hoằng Hóa), Quảng Nham (Quảng Xương) và đang nghiên cứu để chuẩn bị các điều kiện đầu tư một số cảng cá ở huyện Nga Sơn, Hoằng Hóa và thị xã Nghi Sơn.

- Các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá, gồm: Khu neo đậu tránh trú bão Lạch Hới với quy mô sức chứa 700 tàu, công suất tối đa đến 600CV (cấp vùng); khu neo đậu tránh trú bão Lạch Bạng với quy mô sức chứa 800 tàu, công suất tối đa đến 400 CV (cấp tỉnh); khu neo đậu tránh trú bão Lạch Trường với quy mô sức chứa 264 tàu, công suất tối đa đến 400 CV (cấp tỉnh). Hiện nay, đang tiếp tục triển khai xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý, huyện Quảng Xương.

4. Cơ sở hạ tầng dự báo, cảnh báo thiên tai

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 8 trạm đo khí tượng, 18 trạm thủy văn, 94 trạm đo mưa tự động, 27 trạm đo mưa chuyên dùng. Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã lắp đặt hệ thống quan trắc cảnh báo sớm lũ ống, lũ quét và sạt lở đất, bao gồm 15 trạm đo mưa tự động thu thập các số liệu tại 15 xã thuộc 3 huyện Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa để truyền về trung tâm xử lý, tính toán các khả năng gây lũ ống, lũ quét và sạt lở đất, phục vụ công tác cảnh báo sớm, tham mưu cho việc chỉ đạo điều hành ứng phó với thiên tai.

PHẦN III

TÌNH HÌNH THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU; ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU, ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Khí hậu: Thanh Hóa nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với 4 mùa rõ rệt; mùa hè nóng, ẩm, mưa nhiều, nhiệt độ trung bình 27-28°C, lượng mưa trung bình 1.800-2.000 mm; mùa đông lạnh, ít mưa, nhiệt độ trung bình 19-20°C, lượng mưa trung bình 250-300 mm; bão thường xuất hiện từ tháng 8 đến tháng 10, bão mạnh nhất lên tới cấp 12-13, trên cấp 13. Trong những năm qua, Thanh Hóa chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu khá rõ; thời tiết thay đổi, bão lũ, hạn hán diễn biến phức tạp; nhiệt độ từ tháng 6 đến tháng 8 có xu hướng tăng lên; mùa khô lưu lượng dòng chảy các sông xuống thấp cộng với triều cường dâng cao, gây xâm nhập mặn vào sâu trong đất liền (có nơi trên 30 km); cường

độ mưa, bão tăng lên, gây ngập úng, lũ quét, sạt lở đất, xói lở bờ biển ngày càng tăng, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân.

2. Tình hình biến đổi khí hậu

Thanh Hóa đang phải đối mặt với nhiều tác động của biến đổi khí hậu bao gồm tác động đến đời sống, sinh kế, tài nguyên thiên nhiên, cấu trúc xã hội, hạ tầng kỹ thuật, nền kinh tế và được đánh giá là một trong các địa phương bị ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng sau đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Qua chuỗi số liệu quan trắc khí tượng từ năm 1995 đến năm 2020 cho thấy những biến đổi bất thường của thời tiết trong những năm gần đây như sau:

2.1. Nhiệt độ: Nhiệt độ có xu thế tăng lên, nhiệt độ trung bình trong 10 năm gần đây phổ biến cao hơn từ 0,1-0,4°C. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối đạt và vượt số liệu lịch sử (42,2°C) tại thị xã Nghi Sơn vào tháng 7/2010. Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối không thấp như nhiều năm trước đây kể cả trong những ngày rét đậm, rét hại đầu năm 2008 (từ 6-7°C trở lên).

2.2. Nắng nóng: Nắng nóng có xu thế xuất hiện sớm và kết thúc muộn, số đợt nhiều hơn, xảy ra cục bộ và diễn biến phức tạp, số ngày nắng nóng gay gắt nhiều hơn, diễn hình như: đợt nắng nóng kéo dài gần 30 ngày trong mùa hè năm 2008, nhiều ngày nắng nóng gay gắt, nhiệt độ tối cao tuyệt đối từ 39-41°C; mùa hè năm 2010, nhiều đợt nắng nóng gay gắt, nhiệt độ tối cao tuyệt đối dao động từ 40-42,2°C; đợt nắng nóng từ ngày 17/5-21/6/2015 (36 ngày liên tục), nhiệt độ tối cao tuyệt đối phổ biến từ 39-40°C, cao nhất 41,9°C đo được tại Trạm Khí tượng Như Xuân ngày 29/5/2015; đặc biệt, năm 2020 xảy ra đợt nắng nóng kéo dài liên tục từ ngày 16/6-31/7/2020 (46 ngày), nhiệt độ không khí cao nhất phổ biến từ 38-40°C, đây là đợt nắng nóng kéo dài nhiều ngày nhất từ khi có số liệu quan trắc đến nay.

2.3. Không khí lạnh: Có nhiều biểu hiện bất thường, xuất hiện sớm (cuối tháng 8 đã xuất hiện không khí lạnh), số đợt nhiều hơn, cường độ không mạnh như nhiều năm trước đây nhưng diễn biến phức tạp, có những đợt mang tính lịch sử như năm 2008, 2010 và 2011. Nhìn chung những năm gần đây không khí lạnh hoạt động phức tạp hơn, số đợt nhiều nhưng cường độ không mạnh.

2.4. Mưa

- Mưa có nhiều biểu hiện khác với quy luật thông thường nhiều năm, trong mùa khô ít mưa nhưng có ngày mưa trên 100 mm xảy ra cục bộ; những tháng cao điểm của mùa mưa bão nhưng lượng mưa lại thiết hụt so với trung bình nhiều năm rất nhiều, diễn hình là năm 2006, 2008, 2009 và 2020.

- Mùa mưa đến muộn và kết thúc sớm, đặc biệt là một số năm gần đây mùa mưa đến muộn và kết thúc sớm hơn bình thường từ 15 ngày đến 1 tháng. Lượng mưa biến động lớn giữa các khu vực, có năm lượng mưa ở khu vực đồng bằng ven biển lớn hơn trung bình nhiều năm từ 500-800 mm nhưng khu vực vùng núi lại thấp hơn trung bình nhiều năm từ 300-700 mm. Năm 2020, mưa lớn xuất

hiện muộn hơn so với trung bình nhiều năm, từ tháng 5-7 không xảy ra đợt mưa lớn nào, từ tháng 8-10/2020 có 5 đợt mưa lớn, tập trung chủ yếu trong tháng 8 và 10; lượng mưa trung bình của các đợt phổ biến từ 80-200 mm.

2.5. Khả năng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu

- Các số liệu và phân tích cho thấy biến đổi khí hậu có những tác động tiềm tàng đến các lĩnh vực, các địa phương và các cộng đồng khác nhau của Thanh Hóa; làm tăng khả năng bị tổn thương và tạo nguy cơ làm chậm hoặc đảo ngược quá trình phát triển. Trên thực tế, những người nghèo nhất, thường tập trung ở các vùng nông thôn, đặc biệt ở dải ven biển, các khu vực miền núi và là đối tượng chịu nguy cơ tổn thương lớn nhất do biến đổi khí hậu. Ở Thanh Hóa, những lĩnh vực, đối tượng được đánh giá là dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu bao gồm: nông nghiệp và an ninh lương thực, tài nguyên nước, y tế, nơi cư trú, nhất là ven biển và miền núi; các cộng đồng, đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm: nông dân, ngư dân, các dân tộc thiểu số ở miền núi, người già, phụ nữ, trẻ em và các tầng lớp nghèo nhất ở các đô thị.

- Các khu vực dễ bị tổn thương bao gồm 6 huyện, thị xã, thành phố ven biển; 2 huyện có địa hình thấp trũng là Nông Cống và Hà Trung (là những vùng hàng năm thường chịu ảnh hưởng của bão, nước dâng do bão, lũ lụt) và các huyện vùng miền núi, nhất là những nơi thường xảy ra lũ quét, sạt lở đất như các huyện Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Thạch Thành,....

II. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THIÊN TAI

Do đặc điểm vị trí địa lý, hàng năm Thanh Hóa thường xuyên phải chịu tác động của hai hình thái thời tiết Bắc Bộ và Trung Bộ; hầu như không có năm nào Thanh Hóa không chịu ảnh hưởng của thiên tai như: mưa, bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, giông, lốc, hạn hán, xâm nhập mặn,..., có những năm mưa, lũ, ngập lụt xảy ra trên toàn tỉnh, có năm xảy ra trên một vài huyện. Thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh một số năm gần đây như sau:

- Năm 2017: Là năm thiên tai xảy ra khốc liệt nhất trong 10 năm qua trên địa bàn tỉnh, đã xảy ra và chịu ảnh hưởng của 14 trận thiên tai làm 27 người chết; 2 người mất tích; 13 người bị thương; 272 nhà bị đổ, trôi, sập; 48.419 nhà bị ngập; 9.347 ha lúa, 18.608 ha hoa màu, rau màu bị thiệt hại; 25.817 con gia súc, 641.028 con gia cầm bị chết và nhiều tài sản khác; ước tính giá trị thiệt hại khoảng 4.799 tỷ đồng.

- Năm 2018: Đã xảy ra và chịu ảnh hưởng của 15 trận thiên tai làm 22 người chết; 16 người bị mất tích; 825 nhà phải di dời khẩn cấp; 342 nhà bị thiệt hại hoàn toàn và nhiều tài sản khác; ước tính giá trị thiệt hại khoảng 2.909 tỷ đồng. Trong đó đợt thiên tai do mưa lớn gây lũ quét, sạt lở đất từ ngày 28-31/8/2018 nặng nề nhất với giá trị thiệt hại ước tính 1.882 tỷ đồng; gây lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng nhất trong hàng chục năm qua trên địa bàn các huyện Mường Lát, Quan Hóa.

- Năm 2019: Đã xảy ra và chịu ảnh hưởng của 13 trận thiên tai làm chết 17

người, 4 người mất tích, 9 người bị thương, 78 nhà bị thiệt hại hoàn toàn, 63 nhà bị thiệt hại rất nặng, 277 nhà bị thiệt hại nặng, 9.190 ha lúa bị thiệt hại và nhiều tài sản khác; ước tính giá trị thiệt hại khoảng 1.403 tỷ đồng.

- Năm 2020: Đã xảy ra và chịu ảnh hưởng của 27 trận thiên tai (16 đợt giông, lốc kèm theo mưa lớn, mưa đá; 6 đợt nắng nóng; 5 cơn bão) làm 1 người chết; 2 người bị thương; 9.131/122.477 ha lúa vụ mùa bị thiếu nước tưới do nắng nóng, hạn hán; 1.525 nhà, 117 ha lúa, 110 ha hoa màu, 850 ha cây trồng hàng năm, 42 ha cây trồng lâu năm, 46 ha cây ăn quả tập trung, 391 ha rừng bị thiệt hại; 520 m kênh mương, 7 đập thủy lợi bị hư hỏng, sạt lở; đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường tuần tra biên giới bị sạt lở, đường giao thông liên thôn, xã bị hư hỏng tại 379 vị trí với khối lượng khoảng 100.270 m³ và nhiều tài sản khác; ước tính giá trị thiệt hại khoảng 100 tỷ đồng.

III. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI THƯỜNG XẢY RA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Về bão, áp thấp nhiệt đới: Mùa mưa bão ở Thanh Hóa thường kéo dài từ tháng 5 đến hết tháng 10. Theo thống kê trong 50 năm trở lại đây, Thanh Hóa đã phải chịu ảnh hưởng trực tiếp của 55 cơn bão và áp thấp nhiệt đới, trong đó có 26 năm bão đổ bộ trực tiếp, tính bình quân mỗi năm có 1 cơn bão đổ bộ hoặc ảnh hưởng với sức gió mạnh từ cấp 8 đến cấp 11, cá biệt có những cơn bão mạnh cấp 12, trên cấp 12 như cơn bão số 8 ngày 14/9/1973, cơn bão số 6 ngày 20/9/1975, cơn bão số 6 ngày 16/9/1980, cơn bão số 6 ngày 23/7/1989 và gần đây nhất là cơn bão số 7 đổ bộ trực tiếp vào Thanh Hóa ngày 27/9/2005 với sức gió mạnh cấp 12, giật trên cấp 12, bão kết hợp với thủy triều làm nước biển dâng từ 4,5-5,5 m.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do bão, áp thấp nhiệt đới: Cấp 3.

2. Lốc, sét, mưa đá: Đây là các loại hình thiên tai thường xuyên xuất hiện ở Thanh Hóa, với tính chất bất ngờ nên thường gây ra thiệt hại đáng kể cho nhân dân trong tỉnh; hầu như năm nào ở các huyện miền núi và trung du của tỉnh cũng xuất hiện gió lốc và mưa đá.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do lốc, sét, mưa đá: Cấp 1.

3. Lũ, ngập lụt: Do vị trí địa lý, địa hình nên diễn biến của lũ trên các sông cũng có những đặc điểm riêng, trên sông Mã thường xuất hiện lũ sớm hơn sông Chu (lũ sông Mã thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 10, lũ sông Chu từ tháng 7 đến tháng 11). Thống kê trong 42 năm trở lại đây, tần suất lũ trên báo động III ở sông Chu có 12 năm; trên sông Mã có 10 năm; trên sông Bưởi có 20 năm. Thời gian xuất hiện một con lũ khoảng từ 7 đến 10 ngày, lũ lên nhanh và xuống cũng nhanh. Ngoài quy luật phổ biến nói trên, có năm lũ diễn biến bất thường, sớm hoặc muộn hoặc đồng thời xảy ra lũ lớn trên tất cả các hệ thống sông, như trận lũ tháng 10/2007, tháng 10/2017.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do lũ, ngập lụt: Cấp 2.

4. Mưa lớn: Tổng lượng mưa bình quân hàng năm từ 1.800-2.000 mm, có năm mưa lớn đến 2.200 mm; mưa phân bố không đều, thường tập trung chủ yếu vào các tháng 8, 9, 10, lớn nhất vào tháng 8, tháng 9 chiếm 60-65% lượng mưa năm, có năm chiếm 73% (năm 1963, toàn tỉnh mưa 3.000 mm, năm 1976 chỉ mưa 1.045 mm, năm 1964 ở Tĩnh Gia mưa 3.442 mm, năm 1977 chỉ mưa 977mm). Biến động lượng mưa khá lớn, năm 1994 tại Cửa Đạt mưa 3.367 mm, gấp 1,8 lần lượng mưa trung bình nhiều năm; tại Bái Thượng mưa 3.133 mm, gấp 1,62 lần lượng mưa trung bình nhiều năm. Mưa là nguyên nhân chính gây lũ lụt trên các sông và ngập úng các diện tích nội đồng.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do mưa lớn: Cấp 2, 3.

4. Nắng nóng: Tháng 4 và 5/2015 được ghi nhận là một trong những tháng nóng nhất trong vòng 20 năm trở lại đây đối với Thanh Hóa; nhiều ngày nhiệt độ tăng trên 41°C; nguyên nhân là do ảnh hưởng của El Nino pha nóng, nên nhiệt trung bình các tháng mùa hè năm 2015 đều cao hơn trung bình nhiều năm, trong đó từ tháng 3 đến hết tháng 6, nên nhiệt cao hơn trung bình nhiều năm khoảng 2°C. Năm 2020 xảy ra đợt nắng nóng kéo dài liên tục từ ngày 16/6-31/7/2020 (46 ngày), nhiệt độ không khí cao nhất phổ biến từ 38-40°C, đây là đợt nắng nóng kéo dài nhiều ngày nhất từ khi có số liệu quan trắc đến nay.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do nắng nóng: Cấp 1, 2.

5. Hạn hán, xâm nhập mặn: Do mưa có biến động lớn, lượng mưa không nhiều, mùa mưa đến muộn và kết thúc sớm nên thường xảy ra khô hạn thiếu nước trong vụ Đông Xuân cũng như vụ Hè Thu. Thiệt hại do hạn hán gây ra thường đứng sau thiệt hại do bão, lũ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và áp lực cung cấp điện. Hạn hán thường xảy ra ở tất cả các địa phương trong tỉnh, cụ thể trong một số năm gần đây như sau:

- Năm 2015: Diện tích bị hạn và thiếu nước là 28.836 ha gồm 24.154 ha lúa, 4.682 ha cây trồng khác, trong đó diện tích lúa mất trắng là 1.144 ha.

- Năm 2016: Diện tích bị hạn và thiếu nước là 19.331 ha, gồm 13.556 ha lúa, 5.775 ha cây trồng khác, trong đó diện tích lúa mất trắng là 1.520 ha.

- Năm 2017: Diện tích bị hạn và thiếu nước là 10.549 ha, gồm 8.152 ha lúa, 2.397 ha cây trồng khác, trong đó diện tích lúa mất trắng là 905 ha.

- Năm 2018: Diện tích bị hạn và thiếu nước là 5.925 ha, gồm 3.792 ha lúa, 2.133 ha cây trồng khác, trong đó diện tích lúa mất trắng là 501 ha.

- Năm 2019: Diện tích bị hạn vụ Mùa là 2.146 ha, gồm 1.538 ha lúa, 608 ha cây trồng khác, trong đó diện tích lúa mất trắng là 404 ha.

- Năm 2020: Diện tích bị hạn vụ Đông Xuân là 1.680 ha, gồm 921 ha lúa, 759 ha cây trồng khác, trong đó diện tích lúa mất trắng là 103 ha.

Trong những năm gần đây, xâm nhập mặn vùng cửa sông ven biển thường xuyên xảy ra, một số tuyến sông có độ mặn xâm nhập đạt mức cao nhất lịch sử:

- Trên sông Mã: Độ mặn 1‰ có khả năng xâm nhập vào cửa sông tới 24km, độ mặn lớn nhất đo tại Trạm thủy văn Giàng phổ biến nhỏ hơn 1‰, độ mặn lớn nhất đo được là 6,1‰ (năm 2010). Từ năm 2017 đến nay, độ mặn đều nhỏ hơn 1‰.

- Trên sông Lèn: Độ mặn 1‰ có khả năng xâm nhập vào cửa sông lên tới 18 km, độ mặn lớn nhất đo tại Yên Ổn (cách cửa biển 13 km) phổ biến ở mức 0,2-4‰, độ mặn lớn nhất đo được là 17,8‰ (năm 2010), giá trị cao nhất từ trước đến nay.

- Trên sông Lạch Trường: Độ mặn 1‰ đã xâm nhập trên toàn tuyến, độ mặn lớn nhất đo tại trạm cầu Tào là 9,4‰ (năm 2010).

- Trên hệ thống sông Yên: Trên dòng chính sông Yên tại Bến Mắm (khoảng cách tới cửa biển 25 km), độ mặn lớn nhất từ năm 1999 đến 2009 là 2,5‰, năm 2010 độ mặn lớn nhất lên tới 3,3‰, cao nhất từ trước đến nay; theo chiều dọc sông, độ mặn đã xâm nhập vào gần Trạm thủy văn Chuối cách cửa biển 40 km; năm 2016 độ mặn đo được là 2,3‰.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do hạn hán: Cấp 1, 2.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do xâm nhập mặn: Cấp 1.

6. Rét hại, sương muối: Rét đậm, rét hại thường hay xảy ra ở khu vực Thanh Hóa vào các tháng chính đông (tháng 12 năm trước và tháng 1, tháng 2 năm sau) có thể gây ra sương muối và ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp và vật nuôi.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do rét hại, sương muối: Cấp 1.

7. Lũ quét và sạt lở đất: Đặc điểm miền núi Thanh Hóa có địa hình dốc, đồi núi cao xen kẽ giữa sông, suối, hồ đập, là khu vực hội tụ của nhiều trận mưa lớn hàng năm; đặc biệt có 1 số vùng tiểu khí hậu gây mưa đột xuất rất lớn như ở các vùng Bái Thượng, Cửa Đạt, Bát Mọt, Lang Chánh,... đây là những vùng thường xuyên xảy ra những trận mưa lớn trong một thời đoạn ngắn nên dễ gây ra lũ quét và sạt lở đất. Trong những năm gần đây, lũ quét, sạt lở đất xảy ra ngày càng nhiều, gây tổn thất rất nghiêm trọng về người, tài sản, công trình hạ tầng và phá hoại môi trường sinh thái, nhất là đợt mưa lớn từ ngày 28-31/8/2018 gây lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng nhất trong hàng chục năm qua trên địa bàn các huyện Mường Lát, Quan Hóa làm 10 người chết, 2 người mất tích, 287 nhà bị thiệt hại hoàn toàn, 807 nhà phải di dời khẩn cấp...; đợt mưa, lũ do ảnh hưởng của bão số 3 năm 2019 gây ra lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn các huyện Quan Sơn, Quan Hóa, Mường Lát; riêng huyện Quan Sơn đã xảy ra lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng nhất trong nhiều năm trở lại đây làm 11 người chết, 2 người mất tích và 5 người bị thương, 113 nhà bị thiệt hại, 10 điểm trường và 2 nhà văn hóa bị hư hỏng, sập đổ; 134 ha lúa, 1.398 ha cây trồng hàng năm bị thiệt hại,....

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do lũ quét, sạt lở đất: Cấp 1, 2.

PHẦN IV

PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

I. BÃO, ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI

1. Cấp độ rủi ro thiên tai do bão, áp thấp nhiệt đới: Có 3 cấp, thấp nhất là cấp 3, cao nhất là cấp 5.

1.1. Cấp độ 3

- Dự báo áp thấp nhiệt đới, bão cấp 8, cấp 9 hoạt động trên Biển Đông (bao gồm cả khu vực quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa); vùng biển ven bờ; đất liền khu vực Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ.

- Dự báo bão mạnh cấp 10, cấp 11 hoạt động trên Biển Đông (bao gồm cả khu vực quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa); vùng biển ven bờ, đất liền khu vực Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

- Dự báo bão rất mạnh cấp 12, cấp 13 hoạt động trên Biển Đông (bao gồm cả khu vực quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa).

1.2. Cấp độ 4

- Dự báo bão rất mạnh cấp 12, cấp 13 hoạt động trên vùng biển ven bờ, đất liền khu vực Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

- Dự báo bão rất mạnh từ cấp 14, cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ; đất liền khu vực Đông Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ.

- Dự báo bão từ cấp 14 trở lên hoạt động trên Biển Đông (bao gồm cả khu vực quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa).

1.3. Cấp độ 5: Dự báo siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ; đất liền khu vực Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ.

2. Phương án ứng phó với bão

2.1. Bão gần biển Đông và dự báo khả năng đi vào biển Đông

2.1.1. Đối với các cấp, các ngành

- Tổ chức trực ban nghiêm túc, theo dõi sát diễn biến của bão.

- Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự (PCTT, TKCN và PTDS) tỉnh ban hành Công điện cảnh báo bão; thông báo vùng nguy hiểm, chỉ đạo hướng dẫn tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm.

- Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các huyện, thị xã, thành phố ven biển chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn kiểm đếm, thông báo, kiên quyết kêu gọi toàn bộ tàu thuyền đang hoạt động ra khỏi vùng nguy hiểm và về nơi trú tránh an toàn; kiểm soát chặt chẽ tàu thuyền hoạt động ở ven biển, cửa sông, phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; sẵn sàng triển khai các biện pháp bảo vệ an toàn cho người, các hoạt động phát triển kinh tế trên biển và các đảo; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương kiểm tra, nắm chắc số lượng tàu thuyền và thuyền viên. Thông báo cho ngư dân biết và theo dõi tọa độ của bão, cường độ, hướng di chuyển, bán kính ảnh hưởng bão và hướng dẫn ngư dân tránh bão; nắm chắc số tàu thuyền còn trên biển chưa vào nơi trú tránh, số tàu thuyền đã vào nơi trú tránh và tổ chức sắp xếp việc neo đậu đối với các tàu thuyền đã về nơi neo đậu, đồng thời xử lý kịp thời các tình huống sự cố của tàu thuyền (*việc hướng dẫn tàu thuyền tránh trú và neo đậu khi có bão thực hiện theo Quyết định số 982/QĐ-TCTS-KTTS ngày 28/10/2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản về việc ban hành hướng dẫn tàu thuyền tránh, trú, neo đậu và giải pháp bảo vệ ao, đầm, lồng bè nuôi trồng thủy sản khi có bão, áp thấp nhiệt đới*) báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh và Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai theo quy định.

- Đài Thông tin Duyên hải Thanh Hóa thông báo kịp thời các Công điện, văn bản chỉ đạo của tỉnh đến các phương tiện tàu thuyền đang hoạt động trên biển biết để chủ động phòng tránh an toàn; tiếp nhận các thông tin liên quan đến phương tiện tàu thuyền hoạt động trên biển, bảo đảm chính xác và báo cáo kịp thời, đầy đủ cho Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh, Văn phòng thường trực Chỉ huy PCTT và Văn phòng thường trực Chỉ huy PTDS, ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN biết để chỉ đạo, xử lý.

- Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các cấp, các ngành rà soát lại các phương án đã xây dựng để sẵn sàng đối phó với bão; sẵn sàng lực lượng, phương tiện để ứng cứu khi có yêu cầu.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Đài Truyền thanh truyền hình huyện, thị xã, thành phố và Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn thường xuyên thông tin về bão, tác động và ảnh hưởng của bão, các giải pháp phòng tránh và ứng phó với bão; thông báo các chỉ đạo của cấp trên về diễn biến của cơn bão cho nhân dân biết để chủ động phòng tránh.

2.1.2. Đối với chủ phương tiện, thuyền trưởng và ngư dân

- Theo dõi trên các phương tiện thông tin đại chúng về diễn biến của bão; đồng thời phải giữ liên lạc thường xuyên giữa tàu thuyền với chính quyền địa phương, gia đình, Đài Thông tin Duyên hải Thanh Hóa và các đơn vị liên quan.

- Chủ phương tiện và thuyền trưởng có trách nhiệm báo cáo đến chính quyền địa phương, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các cơ quan có liên

quan về số lượng, số hiệu tàu thuyền, số người trên tàu, vị trí tàu đang hoạt động trên biển. Không cho tàu thuyền đi vào khu vực ảnh hưởng của bão, đưa tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm hoặc tìm nơi trú tránh an toàn.

- Chủ phương tiện phải thường xuyên thông báo các tin dự báo, cảnh báo bão đến các thành viên trên tàu thuyền và yêu cầu các thành viên phải thực hiện ngay các biện pháp để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện. Thực hiện nội dung Công điện của Trung ương, tỉnh, sự chỉ đạo của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan.

2.1.3. Đối với cộng đồng dân cư

- Thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo về diễn biến của bão trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện nội dung Công điện của tỉnh và sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền địa phương.

- Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết cho gia đình. Tổ chức chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây xung quanh nhà để tránh gãy đổ khi bão đổ bộ vào.

- Chủ động tổ chức thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thủy, hải sản đang và sắp đến giai đoạn thu hoạch. Đối với các sản phẩm nông nghiệp, thủy, hải sản chưa đến giai đoạn thu hoạch ở vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng của bão phải gia cố, chằng buộc để bảo vệ hoặc di dời đến nơi an toàn.

- Chuẩn bị các vật dụng cá nhân cần thiết để sẵn sàng sơ tán theo chỉ đạo của chính quyền địa phương.

- Tham gia cùng chính quyền địa phương và cộng đồng trong việc phòng tránh bão.

2.2. Bão trên Biển Đông và dự báo khả năng đổ bộ vào đất liền

2.2.1. Đối với Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các cấp, các ngành

- Tổ chức trực ban lãnh đạo và cơ quan tham mưu 24/24 giờ để nắm chắc diễn biến tình hình, dự kiến các tình huống xấu nhất có thể xảy ra; phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng ứng phó tại chỗ với lực lượng chi viện của cấp trên để khẩn trương bố trí cán bộ trực tiếp đến các địa bàn xung yếu cùng với cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo công tác ứng phó kịp thời và có hiệu quả. Triển khai các phương án, kế hoạch phòng, chống bão, lũ, tìm kiếm cứu nạn, hộ đê,... của địa phương, đơn vị mình. Báo cáo kết quả triển khai ứng phó, tình hình về bão, mưa, lũ lụt và các sự cố do bão gây ra tại địa phương về Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh.

- Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh ban hành Công điện chỉ đạo cấm tàu thuyền ra khơi và yêu cầu tàu thuyền ngoài khơi khẩn trương thoát ra khỏi vùng nguy hiểm và tìm nơi trú, tránh an toàn.

- Lãnh đạo địa phương có trách nhiệm chỉ đạo việc triển khai các biện pháp bảo vệ đê điều, hồ đập; chằng chống nhà cửa đề phòng gió lốc, có kế hoạch bảo

vệ kho tàng, bến bãi, nơi chứa hóa chất, nhà cửa, cơ sở hạ tầng, thực hiện sơ tán dân khi có lệnh,... tránh thiệt hại về người và tài sản do nước biển dâng và gió bão gây ra. Đảm bảo an toàn cho người, các hoạt động phát triển kinh tế trên biển và các đảo.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông Vận tải, Tỉnh đoàn Thanh Hóa và các đơn vị liên quan bố trí lực lượng, cán bộ, chiến sỹ, huy động các phương tiện, trang thiết bị để tham gia sơ tán, di dời dân, xử lý sự cố, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ,... đặc biệt là tại các khu vực xung yếu. Sẵn sàng phối hợp với các đơn vị, hỗ trợ, tiếp ứng cho các địa phương khi cần thiết. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh thực hiện việc bắn pháo hiệu báo bão theo đúng quy định.

- Công an tỉnh triển khai các lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, các công trình trọng điểm, tài sản của nhân dân, Nhà nước và doanh nghiệp, ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng khi bão xảy ra để trộm cắp, cướp giật; bố trí các lực lượng, cán bộ, chiến sỹ, huy động các phương tiện, trang thiết bị để tham gia sơ tán, di dời dân, xử lý sự cố, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ,...

- Sở Y tế thực hiện việc huy động lực lượng y, bác sỹ, chỉ đạo hệ thống bệnh viện, trạm xá trong tỉnh, phục vụ việc sơ cứu, cấp cứu thương vong, phòng ngừa dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm soát chặt chẽ tàu thuyền hoạt động đánh bắt thủy sản, tăng cường tuần tra, kiểm soát tại các cửa sông, cửa biển, các điểm xuất bến, các khu neo đậu tàu thuyền tại từng xã, thị trấn, tuyệt đối không để ngư dân ra khơi hoặc ở lại tại các chòi canh trên biển trong thời gian xảy ra bão.

- Sở Giao thông Vận tải phối hợp chính quyền địa phương bố trí lực lượng hướng dẫn điều tiết, hướng dẫn giao thông tại các bến phà, bến đò để nhân dân chuyển hướng di chuyển, không tập trung đi lại tại các bến tàu vận tải hành khách trong thời gian bão có khả năng đổ bộ vào tỉnh hoặc theo cảnh báo của cơ quan chức năng, chính quyền địa phương. Thông báo đình chỉ hoạt động các bến phà, bến đò để đảm bảo an toàn khi có lệnh của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh. Kiểm tra, quản lý lực lượng, phương tiện vận tải để tham mưu cho tỉnh điều động phục vụ công tác PCTT và TKCN khi cần thiết.

- Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm triển khai phương án đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo điều hành ứng phó khẩn cấp trong và sau bão; đảm bảo tuyệt đối an toàn thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo điều hành công tác ứng phó, bão, mưa, lũ.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có kế hoạch chuẩn bị trang thiết bị, hóa chất xử lý môi trường cần thiết để xử lý ô nhiễm môi trường do thiên tai gây ra.

- Sở Công Thương phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức trợ giúp, cung ứng hàng hóa, chất đốt, lương thực, thực phẩm thiết yếu,...

cho người dân phải sơ tán, di dời tránh bão, cứu trợ nhân dân vùng bị thiệt hại không để người dân thiếu đói; thông báo kịp thời cho các tổ chức kinh tế và hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng, chống đói với các kho bãi, chợ, trung tâm thương mại trọng yếu.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với chính quyền địa phương không để dân ở lại các chòi canh, lồng, bè nuôi trồng thủy, hải sản và trên các tàu thuyền tại nơi neo đậu; trường hợp không chấp hành việc chỉ đạo sơ tán dân thì áp dụng biện pháp cưỡng chế.

- Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra các trường học, cơ sở dạy nghề để ứng cứu kịp thời và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho học sinh, giáo viên, nhân viên, yêu cầu các trường tổ chức cho học sinh nghỉ học trước 12 giờ so với thời điểm dự báo bão đổ bộ.

- Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp huyện, xã chủ động phối hợp với lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn, lực lượng chi viện, hỗ trợ từ cấp trên và huy động lực lượng tại chỗ tổ chức sơ tán dân ở các khu vực xung yếu đến nơi trú ẩn an toàn; bố trí lực lượng quản lý, giữ gìn an ninh trật tự tại các điểm tiếp nhận dân sơ tán, đảm bảo cung cấp các dịch vụ hậu cần trước hết là lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch, thuốc men, chăm sóc sức khỏe cho người dân, vệ sinh môi trường, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, đặc biệt là các biện pháp đảm bảo phòng, chống dịch Covid-19 tại nơi sơ tán tập trung. Bảo vệ các khu vực, công trình trọng điểm, cứu hộ, cứu nạn và giúp đỡ các gia đình bị nạn. Triển khai ngay kế hoạch chi tiết việc huy động lực lượng khắc phục hậu quả sau bão.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Đài Truyền thanh truyền hình huyện, thị xã, thành phố và Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn, các cơ quan báo chí của tỉnh thường xuyên thông tin về bão, tác động và ảnh hưởng của bão, các giải pháp phòng tránh và ứng phó với bão; thông báo các chỉ đạo của cấp trên về diễn biến của cơn bão cho người dân biết để chủ động phòng tránh; phân công phóng viên đến các vùng trọng điểm để kịp thời đưa tin về các hoạt động ứng phó.

2.2.2. Đối với chủ phương tiện, thuyền trưởng và ngư dân

- Đối với tàu thuyền đã vào nơi trú tránh bão, chủ phương tiện, thuyền trưởng và các thuyền viên trên tàu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và tàu.

- Đối với các tàu đang còn hoạt động trên biển: Theo dõi trên các phương tiện thông tin đại chúng về diễn biến của bão, đồng thời giữ liên lạc thường xuyên với bờ. Nhanh chóng đưa tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm và tìm nơi tránh trú an toàn.

- Đối với các phương tiện chưa liên lạc được: Chủ phương tiện phải báo cáo rõ số lượng, số hiệu tàu thuyền và số người trên tàu thuyền chưa liên lạc được. Chính quyền địa phương, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Đài Thông

tin Duyên hải Thanh Hóa và gia đình tìm mọi phương thức để liên lạc và thông báo cho tàu thuyền nhanh chóng thoát ra khỏi vùng nguy hiểm và tìm nơi tránh trú an toàn.

2.2.3. Đối với cộng đồng dân cư

- Cộng đồng dân cư phải thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo về diễn biến của bão trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện nội dung Công điện của tỉnh và sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền địa phương.

- Bổ sung dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm. Tổ chức chằng chống nhà cửa, tiếp tục chặt tỉa cành cây ở gần nhà để đảm bảo an toàn khi bão đổ bộ vào.

- Tiếp tục tổ chức gia cố bờ vùng, bờ thửa, chuẩn bị sẵn sàng vật tư, phương tiện, thực hiện các biện pháp để bảo vệ sản xuất.

- Thực hiện sơ tán theo lệnh của chính quyền địa phương. Khi bão đổ bộ không ra ngoài nếu không có nhiệm vụ. Đồng thời phối hợp cùng chính quyền địa phương tham gia sắp xếp tàu thuyền nơi neo đậu và tham gia giữ gìn trật tự, an ninh nơi ở và nơi sơ tán.

2.2.4. Tổ chức sơ tán dân

Căn cứ vào tình hình thực tế, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh sẽ phát lệnh sơ tán dân, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp công tác sơ tán dân vùng cửa sông, ven biển, nhà ở không đảm bảo an toàn, đặc biệt là sơ tán các khu dân cư ven biển tới các nhà, công trình kiên cố trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo phương án đã được phê duyệt hàng năm của các địa phương; tổ chức sơ tán và quản lý người dân sơ tán trong suốt quá trình tránh bão, các đơn vị tiếp nhận sơ tán phải thành lập các ban tiếp nhận để sắp xếp, bố trí nơi ăn, ở và chăm sóc sức khỏe cho người sơ tán, đặc biệt quan tâm đến vấn đề đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 tại các nơi sơ tán tập trung. Công việc này phải được hoàn thành trước 12 giờ so với thời điểm dự báo bão sẽ đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh, phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

- Trường hợp bão có cường độ gió từ cấp 8 đến cấp 11, tổ chức sơ tán dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m (*nhà kiên cố, công trình công cộng của xã và các điểm sơ tán ở xã khác theo phương án đã xây dựng*). Trong mùa mưa, lũ năm 2021, tổng số dân cần phải sơ tán trong phạm vi cách bờ biển 200 m là 10.162 hộ/43.467 khẩu.

- Trường hợp bão rất mạnh có cường độ gió từ cấp 12 đến cấp 15, tổ chức sơ tán dân trong phạm vi cách bờ biển 500 m (*nhà kiên cố, công trình công cộng của xã và các điểm sơ tán ở xã khác theo phương án đã xây dựng*). Trong mùa mưa, lũ năm 2021, tổng số dân cần phải sơ tán trong phạm vi cách bờ biển từ 200-500 m là 14.861 hộ/61.232 khẩu.

- Trường hợp siêu bão có cường độ gió trên cấp 16, tổ chức sơ tán dân trong phạm vi cách bờ biển > 500 m (*nhà kiên cố, công trình công cộng của xã và các điểm sơ tán ở xã khác theo phương án đã xây dựng*). Trong mùa mưa, lũ năm 2021, tổng số dân cần phải sơ tán trong phạm vi cách bờ biển > 500 m là 17.011 hộ/70.206 khẩu.

(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)

2.3. Bão đổ bộ vào đất liền

2.3.1. Đối với Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các cấp, các ngành

- Đảm bảo chế độ trực chỉ huy, trực ban 24/24 giờ trong suốt thời gian bão đổ bộ.

- Tuyệt đối không để người ở lại trên tàu thuyền, lồng bè, chòi canh khi bão đổ bộ.

- Đảm bảo an ninh, trật tự, cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men tại các địa điểm sơ tán dân.

- Thường trực lực lượng, phương tiện, vật tư tại các trọng điểm xung yếu để sẵn sàng cứu hộ công trình đê điều, hồ đập, các công trình khác.

- Đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy ứng phó.

- Điều tiết hoạt động giao thông tại các địa phương bị ảnh hưởng của bão, mưa, lũ, cấm các phương tiện lưu thông qua khu vực bão đổ bộ vào đất liền (trừ các phương tiện đang thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai).

- Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên cập nhật mọi thông tin diễn biến, ảnh hưởng của bão. Kịp thời báo cáo thiệt hại do bão gây ra về Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh để có chỉ đạo phương án xử lý phù hợp.

- Thực hiện cơ chế chỉ huy tập trung, thống nhất do Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS huyện, thị xã, thành phố trực tiếp chỉ huy, điều hành, phân công các lực lượng có mặt trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố trong quá trình ứng phó với bão. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định việc triển khai các biện pháp ứng phó trên địa bàn mình quản lý để giải quyết các sự cố do bão gây ra.

- Tổ chức công tác tìm kiếm cứu nạn.

2.3.2. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư

- Tuyệt đối chấp hành theo các mệnh lệnh của Nhà nước, trong thời gian bão đổ bộ không được đi ra ngoài; không được ở lại các chòi canh, lồng, bè nuôi trồng thủy, hải sản; trên các tàu thuyền ở nơi neo đậu.

- Có trách nhiệm giữ gìn trật tự, an ninh nơi ở và nơi sơ tán.

2.4. Công tác triển khai thực hiện sau khi bão đi qua

2.4.1. Nhiệm vụ chung: Các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện ngay các nội dung công việc sau:

- Tổ chức đưa người dân sơ tán trước bão về nơi ở cũ an toàn, trật tự.
- Trợ giúp hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu, nước uống, chăm sóc y tế nhằm đảm bảo điều kiện sinh hoạt, đời sống cho nhân dân.
- Tổ chức lực lượng xung kích, tình nguyện giúp nhân dân khắc phục hậu quả, sửa chữa, xây dựng lại nhà ở, bảo vệ trật tự, trị an và tài sản của nhân dân, doanh nghiệp, nhà nước trong vùng bị ảnh hưởng của bão.
- Trong thời gian ngắn nhất, huy động nguồn lực tổ chức thu dọn cây xanh, cột điện, công trình, thiết bị gãy đổ; sửa chữa trường học, bệnh viện, các công trình bị hư hỏng; đảm bảo giao thông, nước sạch, điện, viễn thông thông suốt; tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường, phòng dịch,...
- Tổ chức ngay công tác thăm hỏi, động viên các hộ dân bị thiệt hại do ảnh hưởng của bão, chủ động thực hiện phương châm “4 tại chỗ” có hiệu quả trong việc khắc phục hậu quả tại các đơn vị cơ sở, xã, phường, thị trấn.
- Tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp trên.

2.4.2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành phối hợp cùng các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra và triển khai phương án bảo vệ công trình đê điều, hồ đập, công trình trạm bơm, cống tiêu, đầm ao nuôi trồng thủy sản; khắc phục kịp thời các sự cố để sẵn sàng đối phó với các đợt lũ, bão tiếp theo.

- Chỉ đạo triển khai phương án tiêu úng; khôi phục diện tích lúa, hoa màu, ao đầm nuôi trồng thủy sản,... bị ảnh hưởng do bão.

- Xem xét cân đối Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh để tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả do bão gây ra.

b) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh: Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị và chính quyền địa phương huy động lực lượng, sử dụng các phương tiện, trang thiết bị để triển khai ngay các phương án, kế hoạch xử lý sự cố, thảm họa, tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo an ninh trật tự.

c) Sở Giao thông Vận tải: Khẩn trương tiến hành khắc phục các sự cố về công trình giao thông, đảm bảo giao thông được thông suốt.

d) Sở Y tế: Điều động lực lượng y, bác sỹ, các đội cấp cứu, phương tiện, thiết bị hỗ trợ cho Bệnh viện, Trung tâm Y tế dự phòng các huyện, thị xã, thành phố để cứu thương, điều trị bệnh nhân, phòng dịch kịp thời; hướng dẫn các địa

phương tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường, phòng dịch tại vùng bị ảnh hưởng của bão,....

e) Tỉnh đoàn Thanh Hóa: Huy động lực lượng đoàn viên, thanh niên tình nguyện trực tiếp xuống địa bàn giúp nhân dân khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống.

f) Công ty Điện lực Thanh Hóa: Đảm bảo an toàn mạng lưới điện, huy động lực lượng và các phương tiện, thiết bị để khắc phục sự cố hư hỏng trong thời gian sớm nhất.

g) Sở Công Thương chuẩn bị dự phòng đầy đủ các mặt hàng thiết yếu để phục vụ công tác PCTT và TKCN và sinh hoạt của nhân dân. Chỉ đạo các Công ty thương mại, siêu thị tổ chức các chợ tạm, xe bán hàng lưu động tại các địa điểm xảy ra thiên tai để cung cấp đầy đủ các mặt hàng nhu yếu phẩm cho người dân.

h) Cục Quản lý thị trường Thanh Hóa phối hợp với các đơn vị chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, nâng giá, nhất là lương thực, thực phẩm thiết yếu, nước uống, vật liệu xây dựng, nhiên liệu,....

i) Sở Thông tin và Truyền thông: Triển khai phương án đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo điều hành, ứng phó khẩn cấp trong và sau bão.

k) Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Đài Truyền thanh truyền hình huyện, thị xã, thành phố và Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn, các cơ quan báo chí của tỉnh thường xuyên thông tin về bão, tác động và ảnh hưởng của bão, các giải pháp phòng tránh và ứng phó với bão; thông báo các chỉ đạo của cấp trên về diễn biến của cơn bão cho người dân biết để chủ động phòng tránh; phân công phóng viên đến các vùng trọng điểm về thiên tai để kịp thời đưa tin về tình hình thiên tai, các hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả.

l) Các cơ quan đoàn thể: Vận động các ngành, các cấp, các tổ chức khác cứu trợ thiên tai cho những hộ bị thiệt hại đang gặp khó khăn và vận động nhân dân địa phương đóng góp để xây dựng, sửa chữa nhà và giúp đỡ các hộ bị thiệt hại ổn định đời sống.

m) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hội Chữ thập đỏ tỉnh: Cùng các địa phương tổ chức cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị thiệt hại sớm ổn định cuộc sống, nhất là hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, khó khăn.

n) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội xem xét, cân đối nguồn dự phòng ngân sách tỉnh để trình UBND tỉnh hỗ trợ cho các địa phương khắc phục thiệt hại và đề xuất chính sách hỗ trợ người dân vùng bị thiệt hại có điều kiện sớm phục hồi sản xuất.

o) Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố giải quyết các chính sách, chế độ trợ giúp cho các đối tượng bị thiệt hại do bão gây ra.

p) Các sở, ban, ngành, đơn vị khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương triển khai các hoạt động đề ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Phương án ứng phó với áp thấp nhiệt đới

Thực hiện các bước tương ứng như đối với phòng tránh bão, trong đó chú trọng đến biện pháp đảm bảo an toàn đối với tàu thuyền, ngư dân, các hoạt động phát triển kinh tế trên biển và mưa, lũ trên đất liền.

II. MƯA LỚN, LŨ, NGẬP LỤT

1. Cấp độ rủi ro thiên tai

1.1. Cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn: Có 4 cấp.

1.1.1. Cấp độ 1: Khi dự báo lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ, kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở khu vực trung du, miền núi, đồng bằng, ven biển trên phạm vi dưới 1/2 số huyện, xã của 1 tỉnh hoặc nhiều tỉnh không liên kề.

1.1.2. Cấp độ 2

- Dự báo lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ, kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi và kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trên phạm vi hơn 1/2 số huyện, xã của 1 tỉnh.

- Dự báo lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi, đồng bằng, ven biển trên phạm vi hơn 1/2 số huyện, xã của 1 tỉnh.

1.1.3. Cấp độ 3

- Dự báo lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi trong phạm vi nhiều tỉnh khác nhau.

- Dự báo lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trong phạm vi nhiều tỉnh khác nhau.

- Dự báo lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài từ 1 ngày đến 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trong phạm vi nhiều tỉnh khác nhau.

1.1.4. Cấp độ 4

- Dự báo lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi trong phạm vi nhiều tỉnh khác nhau.

- Dự báo lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trong phạm vi nhiều tỉnh khác nhau.

1.2. Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Có 5 cấp, riêng tỉnh Thanh Hóa được phân theo 3 cấp.

1.2.1. Cấp độ 1

- Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3 trên một lưu vực sông.

- Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 trên một lưu vực sông.

1.2.2. Cấp độ 2

- Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 2, khu vực 3 trên một lưu vực sông.

- Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 3 đến dưới báo động 3 cộng 1 m tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1, khu vực 2 trên một lưu vực sông.

- Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 hoặc mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 2, khu vực 3 trên nhiều lưu vực sông.

1.2.3. Cấp độ 3

- Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 3 trở lên tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 3.

- Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 3 cộng 1 m trở lên tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1, khu vực 2.

- Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 3 hoặc mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1 m tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 2 hoặc mực nước lũ cao từ báo động 3 đến dưới báo động 3 cộng 1 m tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 trên nhiều lưu vực sông.

Bảng 1. Danh sách các trạm thủy văn thuộc các khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3.

TT	Khu vực	Sông	Trạm
1	Khu vực 1	Bưởi	Thạch Quảng
2			Kim Tân
3		Âm	Lang Chánh
4		Yên	Chuối
5			Ngọc Trà
6		Lèn	Lèn
7			Cụ Thôn
8		Chu	Cửa Đạt

9	Khu vực 2	Mã	Mường Lát
10			Hồi Xuân
11			Cầm Thủy
12		Chu	Bái Thượng
13			Xuân Khánh
14	Khu vực 3	Mã	Lý Nhân
15			Giàng
16			Quảng Châu

2. Phương án ứng phó

2.1. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức trực ban nghiêm túc, theo dõi sát diễn biến mưa, lũ và tình hình công trình; bố trí lãnh đạo chủ chốt thường trực để xử lý các tình huống.

- Triển khai thực hiện phương án phòng chống lũ, lụt; rà soát các khu dân cư đang sống ở những vùng trũng, thấp, vùng ven sông, suối, vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét; triển khai phương án sơ tán dân; thông báo tình hình mưa, lũ để nhân dân chủ động ứng phó, hạn chế đi lại trong vùng ngập lũ.

- Chỉ đạo các địa phương, các đơn vị quản lý hồ chứa nước theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước các hồ chứa, tổ chức kiểm tra an toàn các hồ chứa trên địa bàn; tổ chức trực ban các hồ chứa 24/24 giờ; hiệp đồng với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh sẵn sàng triển khai lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để kịp thời xử lý các sự cố, hư hỏng công trình và hỗ trợ sơ tán dân hạ du hồ chứa.

- Dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men và các nhu yếu phẩm khác, nhất là đối với những vùng dễ bị chia cắt, vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn.

- Tổ chức thu hoạch sớm cây trồng nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản,... theo phương châm “xanh nhà hơn già ngoài đồng”.

- Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh khơi thông cống, rãnh thoát nước, tránh ngập úng khu vực trung tâm huyện, thị xã, thành phố.

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, tại các khu vực trọng điểm, các khu vực sơ tán dân đi và đến.

- Cấm biển báo, bố trí lực lượng chốt chặn ở những đoạn đường bị ngập sâu, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập, ngầm tràn và những nơi có dòng nước chảy xiết và các khu vực nguy hiểm; phối hợp với Công an tỉnh tổ chức sắp xếp các phương tiện giao thông đang đậu đỗ trên Quốc lộ và đường nội thị đảm bảo an toàn và an ninh, trật tự.

- Rà soát, sẵn sàng triển khai phương án phòng chống lũ cho các công trình đang thi công, các biện pháp phòng chống ngập úng do mưa lớn cho các khu dân cư do công trình đang thi công dở dang.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến lũ để kịp thời cắt điện ở những vùng ngập.
- Phân công lãnh đạo và cán bộ xuống cụm chống lũ, đặc biệt là các vùng trọng điểm.
- Giữ thông tin liên lạc, báo cáo kịp thời, thường xuyên về diễn biến lũ, lụt và các sự cố công trình đến các cấp có thẩm quyền để chỉ đạo.
- Sẵn sàng nguồn lực để hỗ trợ các địa bàn lân cận khi có yêu cầu.
- Cho học sinh trong vùng lũ, ngập lụt nghỉ học theo thông báo của cấp có thẩm quyền.
- Phối hợp với các cấp, các ngành, các lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ xử lý sự cố, tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu, sơ tán dân khi cần.
- Tổ chức hướng dẫn các tàu thuyền neo đậu an toàn tại các nơi quy định.
- Cấm các đò ngang, đò dọc hoạt động và bố trí lực lượng ứng trực tại các bến đò ngang, đò dọc để kiểm tra việc thực hiện. Cấm người dân vớt củi hoặc hoạt động sinh kế trên sông.
- Đánh giá thiệt hại, tổ chức khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, phục vụ sản xuất, phòng chống dịch bệnh, xử lý môi trường do lũ lụt gây ra.
- Tổ chức cứu trợ cho cá nhân và gia đình bị thiệt hại do lũ gây ra.
- Tổng hợp, báo cáo đến cơ quan cấp trên về diễn biến mưa, lũ, lụt, tình hình thiệt hại và kết quả triển khai đối phó, khắc phục hậu quả.

2.2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Rà soát lại các phương án phối, kết hợp các lực lượng vũ trang, nhất là ứng cứu cho các vùng trọng điểm lũ, hồ chứa và vùng hạ du hồ chứa.
- Triển khai công tác bố trí lực lượng, phương tiện ứng phó, xử lý tình huống và tìm kiếm cứu nạn, nhất là khi dự báo có lũ trên báo động III tại các hệ thống sông.

2.3. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Phối hợp với địa phương, Cảnh sát giao thông đường thủy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức di chuyển toàn bộ tàu thuyền (kể cả tàu du lịch) về nơi neo đậu an toàn theo quy định.
- Triển khai hoạt động tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

2.4. Công an tỉnh: Triển khai công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông, chốt chặn các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm; phối hợp với địa phương cấm đò ngang, đò dọc hoạt động, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân; phối hợp với UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan bố trí lực lượng, cán bộ, chiến sỹ, huy động các phương tiện, trang thiết bị để tham gia sơ tán dân, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

2.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo khắc phục các sự cố công trình đê điều, hồ đập, các hệ thống tiêu úng do mưa, lũ gây ra và chuẩn bị sẵn sàng các phương án để chủ động đối phó với các đợt mưa, lũ tiếp theo.

- Đôn đốc, chỉ đạo các huyện, các Công ty Khai thác công trình thủy lợi tập trung tiêu úng cho diện tích lúa, hoa màu bị ngập.

- Đôn đốc, chỉ đạo khẩn trương thu hoạch lúa, hoa màu, diện tích nuôi trồng thủy sản đã đến kỳ thu hoạch; chuẩn bị giống và các điều kiện cần thiết khác để khôi phục lại diện tích lúa, hoa màu bị hư hại.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình thiệt hại về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; đề xuất, kiến nghị hỗ trợ giống vật nuôi, cây trồng, phân bón để phục hồi sản xuất.

2.6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Triển khai phương án đảm bảo thông tin liên lạc bưu chính, viễn thông phục vụ chỉ đạo điều hành ứng phó mưa, lũ, ngập lụt; đảm bảo tuyệt đối an toàn thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo điều hành công tác ứng phó với mưa, lũ, ngập lụt của các cơ quan Đảng, chính quyền địa phương các cấp.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp thông tin di động triển khai hệ thống sẵn sàng tổ chức nhắn tin cảnh báo tình hình diễn biến của mưa, lũ, ngập lụt và chỉ đạo ứng phó với mưa, lũ, ngập lụt tới các thuê bao trên địa bàn có khả năng chịu ảnh hưởng của mưa, lũ, ngập lụt khi có yêu cầu.

2.7. Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, các cơ quan báo chí của tỉnh: Thường xuyên thông tin về mưa, lũ, ngập lụt; các giải pháp phòng tránh và ứng phó với mưa, lũ, ngập lụt; thông báo các chỉ đạo của cấp trên về mưa, lũ, ngập lụt cho người dân biết để chủ động phòng tránh; phân công phóng viên đến các vùng trọng điểm về thiên tai để kịp thời đưa tin về tình hình thiên tai, ứng phó và khắc phục.

2.8. Sở Giao thông Vận tải

- Rà soát phương án chuẩn bị huy động trang thiết bị, phương tiện, vật tư của ngành phục vụ công tác ứng phó.

- Phối hợp với Công an tỉnh chốt chặn, cấm người và phương tiện di chuyển qua các đoạn đường, khu vực nguy hiểm.

2.9. Sở Công Thương, Công ty Điện lực Thanh Hóa

- Rà soát phương án chuẩn bị, dự trữ cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân trước và sau lũ.

- Triển khai phương án phòng chống mưa, lũ đối với các công trình, kho tàng, trụ sở, ... của ngành.

- Triển khai phương án đảm bảo an toàn mạng lưới điện trên địa bàn tỉnh.

2.10. Sở Tài nguyên và Môi trường: Có kế hoạch chuẩn bị trang thiết bị, hóa chất xử lý môi trường cần thiết, sẵn sàng xử lý ô nhiễm môi trường do thiên tai gây ra.

2.11. Sở Y tế

- Điều động lực lượng y, bác sỹ, các đội cấp cứu, phương tiện, thiết bị hỗ trợ cho Bệnh viện, Trung tâm Y tế dự phòng các huyện, thị xã, thành phố để cứu thương, điều trị bệnh nhân, phòng dịch kịp thời; hướng dẫn các địa phương tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường, phòng dịch tại vùng bị ảnh hưởng.

- Tham gia cùng với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh trong công tác cấp cứu, các hoạt động của các Đội ứng cứu khẩn cấp, Đội cứu hộ, cứu nạn.

2.12. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai công tác đảm bảo an toàn cho các công trình, cơ sở giáo dục đào tạo. Phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố sử dụng cơ sở giáo dục đào tạo làm nơi sơ tán dân.

- Phối hợp với địa phương thông báo cho học sinh vùng lũ tạm nghỉ học để tránh lũ.

2.13. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Triển khai phương án đảm bảo an toàn cho các cơ sở văn hóa, thể thao và khu du lịch, nghỉ dưỡng, kể cả tàu du lịch.

- Phương án đảm bảo an toàn cho khách du lịch.

2.14. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh: Triển khai phương án đảm bảo thông tin về dự báo, cảnh báo lũ đến Lãnh đạo tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh.

2.15. Các sở, ban, ngành, đơn vị khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương triển khai các hoạt động để ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Tổ chức sơ tán dân: Căn cứ vào tình hình mưa, lũ, trên cơ sở phương án sơ tán dân đã được phê duyệt của các địa phương, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai các nhiệm vụ:

- Phát lệnh sơ tán và chỉ huy công tác sơ tán: Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Lực lượng hỗ trợ sơ tán dân: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Ban Chỉ huy Quân sự, Công an huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành, đơn vị liên quan phối hợp, hiệp đồng với các đơn vị lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát lại số người sơ tán, kiểm tra an toàn nơi sơ tán đến.

- Người sơ tán phải mang theo lương thực, nước uống, trang vật dụng cần thiết để sử dụng trong thời gian sơ tán.

- Kế hoạch chuẩn bị lương thực, nước uống, thuốc dự phòng tối thiểu, vệ sinh môi trường, bếp,... tại nơi sơ tán.

- Kế hoạch đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự nơi sơ tán, đặc biệt là đảm bảo phòng, chống dịch Covid-19.

- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trong trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

- Khu vực dân cư sinh sống ở bãi sông, khu vực ven sông nơi không có đê và vùng trũng thấp có nguy cơ bị ngập khi có mưa, lũ lớn:

+ Dân cư sinh sống ở bãi sông (có đê cấp III-I): 17.219 hộ/60.743 người.

+ Dân cư sinh sống ở bãi sông (có đê cấp IV-V): 12.448 hộ/48.069 người.

+ Dân cư sinh sống ở khu vực ven sông nơi không có đê: 11.073 hộ/44.825 người.

+ Dân cư sinh sống ở khu vực có khả năng ngập lụt khi mưa lớn: 19.654 hộ/73.600 người.

(Chi tiết có các phụ lục 2, 2a, 2b, 2c kèm theo)

III. LŨ QUÉT, SẠT LỖ ĐẤT, SỤT LÚN ĐẤT DO MƯA, LŨ HOẶC DÒNG CHẢY

1. Cấp độ rủi ro thiên tai: Có 3 cấp.

1.1. Cấp độ 1

- Cảnh báo tổng lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp hoặc trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 1; vùng có nguy cơ trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 2; vùng có nguy cơ cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3.

- Cảnh báo tổng lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 3.

- Cảnh báo tổng lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp thuộc các tỉnh trong khu vực 3.

1.2. Cấp độ 2

- Cảnh báo tổng lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày tại vùng có nguy cơ cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3.

- Cảnh báo tổng lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3.

- Cảnh báo tổng lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp hoặc trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ trung bình hoặc cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3.

1.3. Cấp độ 3

- Cảnh báo tổng lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2.

- Cảnh báo tổng lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ cao hoặc rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3.

- Cảnh báo tổng lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ cao hoặc rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3.

(Các khu vực theo bảng 1)

2. Phương án ứng phó

Đến nay, do chưa dự báo được lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa, lũ hoặc dòng chảy nên chỉ cảnh báo nguy cơ xảy ra; tin cảnh báo lũ quét được phát riêng hoặc lồng ghép trong các Công điện, Thông báo của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh và được Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp huyện triển khai cho các địa phương.

2.1. Đối với chính quyền các cấp

2.1.1. Công tác phòng ngừa

- Kiểm tra, rà soát hiện trạng các vùng dân cư, lập quy hoạch phân vùng nguy cơ lũ quét, sạt lở đất.

- Trước mùa lũ hàng năm, phải rà soát, phổ biến lại phương án ứng phó, sơ tán dân đối với lũ quét cho cộng đồng.

- Chỉ đạo, kiểm tra ngăn chặn việc xây mới và có kế hoạch để từng bước di chuyển dân ra khỏi vùng bãi bồi ven sông, suối, vùng sườn đồi, núi, vùng ven taluy đường giao thông có nguy cơ sạt lở. Nghiêm cấm việc san lấp sông, suối và đổ chất thải rắn làm ảnh hưởng đến tiêu thoát lũ.

- Dự trữ đủ lương thực, thực phẩm, thuốc men và các nhu yếu phẩm khác, nhất là đối với những vùng bị chia cắt.

- Chỉ đạo, kiểm tra, rà soát khả năng tiêu thoát lũ của các cầu, cống; kiểm tra cao độ các ngầm qua sông, suối để đảm bảo thoát lũ.

- Kiểm tra kết quả thực hiện việc bảo đảm an toàn cho dân ở vùng ven sông, suối, vùng hạ lưu các hồ đập, vùng có nguy cơ bị sạt lở.

- Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục và phổ biến kiến thức về phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư.

- Đầu tư các dự án làm đường giao thông vào đến các thôn, bản đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng dễ bị chia cắt khi có mưa, lũ.

- Đầu tư hệ thống cảnh báo, biển cảnh báo đối với vùng có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất; lắp đặt thiết bị quan trắc, thiết bị báo động để chủ động phòng tránh, sơ tán dân.

2.1.2. Phương án ứng phó khi có mưa, lũ, sạt lở đất

- Tổ chức trực ban, theo dõi sát diễn biến mưa, lũ; bố trí lãnh đạo chủ chốt thường trực khi xuất hiện mưa lớn để xử lý các tình huống đề phòng xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

- Tăng cường cán bộ trực tiếp đến các điểm xảy ra sự cố để chỉ đạo, xử lý, khắc phục hậu quả.

- Giữ thông tin liên lạc thông suốt, báo cáo kịp thời, thường xuyên về diễn biến của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và các sự cố công trình đến các cấp có thẩm quyền để chỉ đạo.

- Sẵn sàng nguồn lực để hỗ trợ các địa bàn lân cận khi có yêu cầu.

- Tổ chức thực hiện phương án đối phó với lũ ống, lũ quét và sạt lở đất theo phương châm 4 tại chỗ.

- Chỉ đạo thực hiện các phương án sơ tán dân, phương án xử lý đảm bảo an toàn hồ đập.

- Chỉ đạo xử lý kịp thời các sự cố do lũ quét và sạt lở đất gây ra.

- Huy động vật tư, phương tiện trên địa bàn để cứu hộ, cứu nạn đối với người, công trình khi có sự cố.

- Phối hợp với các ngành, lực lượng vũ trang trên địa bàn để thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, sơ tán dân khi cần.

- Chỉ đạo các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn.

- Cấm biển báo, bố trí lực lượng ứng trực cấm người, phương tiện qua lại ở các ngầm, tràn qua sông, suối.

- Chỉ đạo hệ thống truyền thanh, truyền hình của địa phương đưa tin kịp thời về mưa, lũ và công tác chỉ đạo.

- Đánh giá thiệt hại, tổ chức khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, phục hồi sản xuất, phòng chống dịch bệnh, xử lý môi trường do lũ, lụt gây ra.

- Tổ chức cứu trợ cho các cá nhân và gia đình bị thiệt hại do lũ gây ra.

- Tổng hợp, báo cáo đến cơ quan cấp trên về diễn biến mưa, lũ, lụt, sạt lở đất, tình hình thiệt hại và kết quả triển khai đối phó, khắc phục hậu quả.

2.2. Đối với cộng đồng dân cư

- Theo dõi thông tin mưa, lũ, lụt, sạt lở đất và sự chỉ đạo của chính quyền địa phương qua Đài phát thanh, truyền hình và hệ thống truyền thanh cấp xã.

- Tham gia tuyên truyền công tác giáo dục cộng đồng về phòng tránh lũ quét, sạt lở đất; tham gia cắm biển báo và đánh dấu các khu vực nguy hiểm.

- Không xây dựng nhà ở, công trình những nơi không an toàn, thường xảy ra lũ quét, sạt lở đất đã được chính quyền địa phương và cơ quan chức năng khuyến cáo như: đồi dốc, chân vách núi, bờ bãi thấp ven sông, suối, trên đường đi của dòng chảy lũ, các chân taluy dễ bị sạt lở,....

- Tham gia việc trồng và bảo vệ rừng.

- Chủ động khơi thông lòng sông, suối chảy qua khu vực sinh sống.

- Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men và các nhu yếu phẩm cần thiết khác.

- Chủ động sơ tán ở vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất khi có mưa lớn, có báo động hoặc có lệnh của chính quyền địa phương.

- Không đi qua sông, suối, ngầm tràn khi có lũ hoặc thấy không an toàn.

- Báo cáo ngay với chính quyền địa phương khi phát hiện các sự cố do lũ quét và sạt lở đất gây ra.

- Tham gia và chấp hành chỉ đạo của chính quyền trong việc huy động nhân lực, vật tư, phương tiện để ứng cứu, cứu hộ.

- Chủ động cho con em nghỉ học khi thấy không an toàn.

- Chủ động tham gia công tác khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, phục hồi sản xuất, xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh do lũ quét và sạt lở đất gây ra; tham gia cứu trợ theo truyền thống “Lá lành đùm lá rách”.

2.3. Tổ chức sơ tán dân

- Khi có dự báo mưa, lũ lớn xảy ra trên địa bàn, Chủ tịch UBND các huyện chỉ đạo chính quyền thôn, xã tổ chức sơ tán khẩn cấp tất cả các hộ dân sống trong khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn theo phương án đã phê duyệt. Đồng thời phải cử cán bộ ứng trực theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ để thông tin, cảnh báo cho nhân dân biết, sẵn sàng sơ tán đến nơi an toàn.

- Khi có mưa, lũ xảy ra: Căn cứ tình hình thực tế, Chủ tịch UBND huyện quyết định phát lệnh sơ tán và chỉ huy công tác sơ tán dân.

- Tổ chức sơ tán: Chủ tịch UBND xã trực tiếp chỉ huy công tác sơ tán theo phương án đã được duyệt.

- Lực lượng hỗ trợ sơ tán: Lực lượng xung kích của thôn, xã; các lực lượng Công an, Quân sự huyện, các Đoàn Biên phòng và các đơn vị lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn; lực lượng chi viện của tỉnh khi cần thiết.

- Năm 2021, có 8.503 hộ/35.765 người sinh sống tại khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết có các phụ lục 3, 3a kèm theo)

3. Khắc phục hậu quả

- Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.

- Thông tin khẩn cấp cho cấp trên và yêu cầu hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn khi vượt quá khả năng của địa phương.

- Tổ chức đưa người sơ tán trở về nhà an toàn.

- Khẩn trương thống kê, đánh giá thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ, cứu trợ và khắc phục hậu quả.

- Tổ chức hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống và các nhu yếu phẩm cần thiết cho người dân vùng thiệt hại.

- Tổ chức huy động lực lượng, tu sửa nhà cửa, trường học, trạm y tế, đường giao thông và các công trình công cộng; vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh cho nhân dân vùng bị ảnh hưởng của lũ quét, sạt lở đất.

- Tổ chức khôi phục sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân.

IV. NẮNG NÓNG, HẠN HÁN, XÂM NHẬP MẶN

1. Cấp độ rủi ro thiên tai

1.1. Cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng: Có 4 cấp.

1.1.1. Cấp độ 1

- Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ 35°C đến 37°C, kéo dài từ 3 ngày trở lên.

- Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C, kéo dài từ 3 ngày tới 25 ngày.

- Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C, kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày.

- Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C, kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày.

1.1.2. Cấp độ 2

- Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C, kéo dài trên 25 ngày.

- Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C, kéo dài từ trên 5 ngày đến 25 ngày.

- Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C, kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày.

1.1.3. Cấp độ 3

- Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C, kéo dài trên 25 ngày.

- Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C, kéo dài từ trên 10 ngày đến 25 ngày.

1.1.4. Cấp độ 4: Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C, kéo dài trên 25 ngày.

1.2. Cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán: Có 4 cấp.

1.2.1. Cấp độ 1

- Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

- Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ trên 3 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

1.2.2. Cấp độ 2

- Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm.

- Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

1.2.3. Cấp độ 3

- Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm.

- Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ trên 3 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm.

- Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm.

1.2.4. Cấp độ 4: Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm.

1.3. Cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn: Có 4 cấp.

1.3.1. Cấp độ 1: Dự báo ranh giới độ mặn 1‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25 km đến 50 km tính từ cửa sông.

1.3.2. Cấp độ 2

- Dự báo ranh giới độ mặn 1‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 50 km đến 90 km tính từ cửa sông.

- Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ 15 km đến 25 km tính từ cửa sông.

1.3.3. Cấp độ 3

- Dự báo ranh giới độ mặn 1‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông trên 90km tính từ cửa sông.

- Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25km đến 50 km tính từ cửa sông.

1.3.4. Cấp độ 4

- Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 50km đến 90 km tính từ cửa sông.

- Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông tới hơn 90 km tính từ cửa sông.

2. Phương án ứng phó

2.1. Nắng nóng

Thời tiết nắng nóng liên tục khiến sức khỏe con người bị ảnh hưởng và sinh hoạt hàng ngày gặp nhiều bất tiện; có những ngày nhiệt độ cao lên đến 40-41°C gây ra không ít những hệ lụy, đe dọa sức khỏe và chất lượng cuộc sống người dân, đặc biệt là trẻ em, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của nhân dân,... Do đó, cần thông tin kịp thời diễn biến thời tiết để nhân dân chủ động, tích cực thực hiện các biện pháp, phòng chống nắng nóng:

2.1.1. Đối với cộng đồng dân cư

- Hạn chế ra ngoài vào lúc nắng cao điểm:

+ Thời gian nắng nóng trong ngày thường từ 10-17 h, nắng nóng cao điểm nhất vào khoảng 13-16 h nên người dân cần hạn chế làm việc, đi lại ngoài trời trong khoảng thời gian này.

+ Sắp xếp các công việc làm ngoài trời vào buổi sáng và chiều tối, tự điều chỉnh nhịp độ hoạt động khi làm việc, tập luyện, vui chơi ngoài trời nắng.

- Uống nhiều nước:

+ Uống nhiều nước và đúng cách để bù lại lượng nước đã mất qua bài tiết; cách tốt nhất là uống nước hoa quả hoặc các đồ uống dùng cho tập luyện thể thao.

+ Khi trời nóng nên uống nhiều nước hoặc các đồ uống khác; nếu đang thực hiện công việc nặng trong điều kiện nóng bức, cần uống 0,4 đến 0,9 lít mỗi giờ; tránh uống đồ uống quá lạnh vì chúng có thể gây ra chứng co rút ruột; hạn chế uống rượu.

- Tránh thay đổi môi trường có nhiệt độ chênh lệch cao:

+ Tránh việc hoạt động liên tục giữa 2 môi trường quá chênh lệch nhiệt độ.

+ Mặc trang phục mát, sáng màu, sử dụng các phương tiện chống nắng khi ra ngoài.

2.1.2. Đối với các sở, ban, ngành

- Công ty Điện lực Thanh Hóa: Theo dõi sát diễn biến để đưa ra phương án tối ưu nhất, duy trì vận hành ổn định lưới điện, sẵn sàng 24/24 giờ để triển khai các phương án, sửa chữa sự cố, khắc phục khó khăn đảm bảo an toàn cấp điện phục vụ nhân dân.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Theo dõi công tác phòng cháy và chữa cháy rừng; thực hiện phương án chống hạn, đảm bảo nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với tình hình thực tế.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh: Sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phối hợp với các ngành, địa phương, các lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn ứng phó kịp thời với các tình huống cháy nổ, sự cố do nắng nóng gây ra, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu, sơ tán dân khi cần thiết.

- Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh tăng cường các bản tin dự báo, cảnh báo về nắng nóng để các cấp, các ngành và toàn thể người dân biết và ứng phó phù hợp. Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, các cơ quan báo chí của tỉnh tăng cường thời lượng phát tin về tình hình nắng nóng và các biện pháp phòng tránh.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương triển khai các hoạt động để ứng phó và khắc phục hậu quả do nắng nóng gây ra.

2.2. Hạn hán, xâm nhập mặn

2.2.1. Giải pháp

a) Giải pháp điều hành quản lý

- Các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi căn cứ vào dự báo tình

hình khí tượng thủy văn, kiểm tra, đánh giá, cân đối khả năng nguồn nước của từng công trình đầu mối với nhu cầu dùng nước của các hộ dân, xây dựng kế hoạch tưới thật chi tiết cụ thể; đồng thời có kế hoạch bố trí lịch thời vụ phù hợp, chuyên đổi cơ cấu cây trồng thích hợp đối với những vùng không đủ nguồn nước tưới. Kiên quyết không canh tác ở những nơi không đủ nguồn nước cho suốt vụ. Điều hoà phân phối nước hợp lý tiết kiệm, không để hiện tượng thất thoát nước hoặc lấy nước lãng phí, tăng cường công tác quản lý, vận hành nhằm giảm tổn thất nước trên kênh dẫn.

- Các tháng mùa kiệt (tháng 2, 3 và 4) điều hành xả nước từ hồ Cửa Đạt hợp lý theo nhiệm vụ của hồ để đầy mặn cho vùng hạ du.

- Đối với khu tưới bằng hồ chứa: Các hồ không đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão chỉ tích được một phần nước hoặc không tích nước cần phải chuyển diện tích sang trồng màu hoặc cây trồng khác sử dụng ít nước. Các hồ đã tích nước thực hiện tưới theo kế hoạch tưới được xây dựng, tiết kiệm ngay từ đầu vụ để dành nước cho thời gian cuối tháng 3, đầu tháng 4; tuyệt đối không tháo nước để thi công công trình hoặc khai thác thủy sản vào cuối năm. Đối với hồ chứa nước Cửa Đạt, phát điện với lưu lượng, thời gian theo nhu cầu tưới.

- Đối với khu tưới bằng trạm bơm: Làm tốt công tác tu sửa, bảo dưỡng đảm bảo sẵn sàng bơm tưới, căn cứ vào tình hình thời tiết khí tượng thủy văn và kinh nghiệm trong quản lý tưới, làm tốt công tác dự báo, dự đoán tình hình, tăng cường bơm nước vào giờ thấp điểm, tranh thủ bơm nước tưới trữ vào đồng để tránh tình trạng gây hạn giả tạo khi vào thời kỳ đồ ải tập trung và vào thời kỳ cuối tháng 3 đầu tháng 4.

- Đóng, mở các cống ở các cửa sông, cửa biển hợp lý để giữ nước ngọt, ngăn nước mặn; kiểm soát chặt chẽ độ mặn để lấy nước tưới đảm bảo, có biện pháp xử lý nhiễm mặn kịp thời ở các vùng triều.

- Làm tốt công tác tuyên truyền để các cấp, các ngành và nhân dân tích cực tham gia và hưởng ứng trong việc phòng chống hạn, sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý và hiệu quả.

b) Giải pháp công trình

- Khẩn trương duy tu, sửa chữa các công trình, nạo vét các cửa lấy nước các trạm bơm, tu sửa phần cơ, phần điện của các trạm bơm tưới, sẵn sàng vật tư để nối dài ống hút có thể khi mực nước nguồn xuống thấp. Các Công ty Khai thác công trình thủy lợi, các địa phương tổ chức ra quân làm thủy lợi mùa khô hoàn thành khối lượng theo kế hoạch đề ra, đảm bảo hệ thống công trình thủy lợi thông suốt từ đầu mối đến mặt ruộng.

- Duy trì các máy bơm đã chiến chống hạn.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến nguồn nước để quyết định thời điểm đắp đập kịp thời ngăn sông Mã tại trạm bơm Kiều, đắp đập ngăn sông Càn tại cầu Điền Hộ, đồng thời đóng cửa âu Báo Văn và các đập tạm trên sông Cầu Chày, sông Mậu Khê đảm bảo các trạm bơm hoạt động bình thường.

2.2.2. Phương án ứng phó

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thường trực, thường xuyên theo dõi, giám sát, chỉ đạo các địa phương, đơn vị về công tác chống hạn trên địa bàn tỉnh; tổng hợp tình hình, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết; phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp hỗ trợ kinh phí chống hạn.

b) Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh cấp hỗ trợ kinh phí chống hạn cho các địa phương, đơn vị; đồng thời kiểm tra, thẩm định hồ sơ quyết toán kinh phí chống hạn của các địa phương, đơn vị, làm cơ sở trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Sở Công Thương

- Rà soát và đề nghị danh sách ưu tiên cấp điện (nếu ngành điện điều tiết giảm điện) đảm bảo đủ điện cho các trạm bơm hoạt động thường xuyên để bơm nước tưới chống hạn kịp thời.

- Chỉ đạo các Nhà máy thủy điện có kế hoạch điều tiết nước hợp lý để đảm bảo nguồn nước cho hạ du phục vụ sản xuất và dân sinh.

d) Các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh

- Chủ động tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các công trình bằng nguồn vốn sửa chữa hàng năm và có kế hoạch nạo vét hệ thống kênh mương, công lấy nước, trạm bơm tưới theo phân cấp quản lý để thực hiện công tác chống hạn.

- Phối hợp với các địa phương trong triển khai phương án phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, xác định cụ thể từng vùng có khả năng thiếu nước tưới, có kế hoạch chống hạn và biện pháp cấp nước hợp lý; quản lý, phân phối nước chặt chẽ và linh hoạt; tổ chức tưới hiệu quả và tiết kiệm nước.

- Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, tình hình nguồn nước nhằm chủ động xử lý tình huống, kịp thời điều chỉnh kế hoạch cấp nước khi nguồn nước thay đổi phục vụ tốt yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân; thường xuyên báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tình hình thực hiện.

e) Công ty Điện lực Thanh Hóa có kế hoạch đảm bảo cung cấp điện cho sản xuất và dân sinh, trong đó ưu tiên cấp điện cho các trạm bơm để phục vụ công tác chống hạn.

f) Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Thanh Hóa và Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Thanh Hóa có kế hoạch đảm bảo cấp nước sạch, nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn quản lý.

g) Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác theo dõi, chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn, Hợp tác xã và các đơn vị quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các

biện pháp phòng chống hạn, xâm nhập mặn phục vụ sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt của nhân dân.

3. Khắc phục hậu quả

- Tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp trên. Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Thủ tướng Chính phủ.

- Các địa phương triển khai các biện pháp phục hồi sản xuất nông nghiệp, báo cáo UBND tỉnh hỗ trợ khắc phục thiệt hại theo các quy định hiện hành.

V. RÉT HẠI, SƯƠNG MUỐI, SƯƠNG MÙ

1. Cấp độ rủi ro thiên tai do rét hại, sương muối: Có 3 cấp.

1.1. Cấp độ 1

- Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ trên 8°C đến 13°C, kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày.

- Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ 8°C trở xuống, kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày.

1.2. Cấp độ 2

- Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ trên 8°C đến 13°C, kéo dài trên 10 ngày.

- Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ 8°C trở xuống, kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày.

1.3. Cấp độ 3: Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ 8°C trở xuống, kéo dài trên 10 ngày.

2. Cấp độ rủi ro thiên tai do sương mù: Có 2 cấp.

2.1. Cấp độ 1

- Cảnh báo sương mù dày đặc, tầm nhìn xa từ 50 m trở lên, gây nguy hiểm cho các phương tiện giao thông trên đường cao tốc hoặc khu vực sân bay.

- Cảnh báo sương mù dày đặc, tầm nhìn xa dưới 50 m, gây nguy hiểm cho các phương tiện giao thông trên biển, trên sông hoặc đường đèo núi.

2.2. Cấp độ 2: Rủi ro thiên tai cấp độ 2 xảy ra khi cảnh báo sương mù dày đặc, tầm nhìn xa dưới 50 m, gây nguy hiểm cho các phương tiện giao thông trên đường cao tốc hoặc khu vực sân bay.

3. Phương án ứng phó

Thông thường thời gian rét đậm, rét hại từ tháng 12 năm nay đến tháng 2 năm sau, cần chủ động thực hiện tốt các biện pháp phòng chống rét theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và

PTDS tỉnh và khuyến cáo, hướng dẫn của các ngành chuyên môn theo cấp độ rủi ro thiên tai.

3.1. Đối với người

- Tổ chức tuyên truyền cho nhân dân tại địa phương về phòng chống rét, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương; thực hiện việc che chắn nhà cửa, mặc quần áo đủ ấm trước khi đi ra ngoài nhà.

- Cảnh báo để nhân dân biết về các tai nạn như ngộ độc khí CO, bỏng lửa do sưởi ấm bằng than trong nhà kín hoặc tử vong trẻ em do chõr bằng xe máy đi ngoài trời rét; ngạt thở trẻ em do mặc quá nhiều quần áo ấm. Trẻ em tại các nhà trẻ, trại trẻ không đảm bảo điều kiện chăm sóc và dinh dưỡng kém có thể mắc bệnh viêm đường hô hấp cấp do virus.

- Các cơ sở khám, chữa bệnh đảm bảo việc phòng chống rét cho người bệnh trong quá trình khám chữa bệnh, nơi xếp hàng chờ khám, các buồng khám bệnh, buồng điều trị người bệnh phải đảm bảo kín gió, có đủ chăn đệm, lò sưởi, phương tiện đảm bảo cho người bệnh được giữ ấm trong thời gian khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế.

- Các cơ sở y tế đảm bảo bố trí đủ cơ sở thuốc cấp cứu, giường bệnh, chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện cấp cứu để xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu thường gặp do thời tiết rét lạnh hoặc thời tiết thay đổi bất thường gây ra như các bệnh tim mạch, tăng huyết áp, đột quỵ, viêm đường hô hấp cấp do các loại virus gây ra do thời tiết rét đậm, rét hại, điều kiện chăm sóc và dinh dưỡng kém,....

- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện phòng chống rét và tình hình sức khỏe của người dân, báo cáo Sở Y tế các diễn biến đặc biệt để kịp thời chỉ đạo.

3.2. Đối với sản xuất nông nghiệp

3.2.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp phòng chống, theo dõi tình trạng sức khỏe, tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vật nuôi suy kiệt do rét hại.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố thành lập các tổ công tác về cơ sở kiểm tra, hướng dẫn và hỗ trợ người dân thực hiện các biện pháp phòng chống rét cho cây trồng, vật nuôi, đặc biệt là cây giống và đàn đại gia súc có giá trị kinh tế lớn.

- Hướng dẫn người dân sản xuất dùng nylon trong suốt che phủ tạo hiệu ứng nhiệt, giữ ấm cho các vườn cây giống, đặc biệt diện tích mạ mới gieo; hằng ngày tưới đủ ẩm; ủ gốc bằng mùn, rơm, rạ để giữ ấm và giữ ẩm cho cây. Khi có hiện tượng sương muối, buổi sáng cần tưới phun để rửa lớp băng giá trên lá, tránh hiện tượng bị vỡ tế bào gây hiện tượng “luộc lá”.

3.2.2. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tăng cường kiểm tra cơ sở, trực tiếp xuống các địa phương để chỉ đạo, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác phòng chống rét cho cây trồng, vật nuôi.

- Thông tin kịp thời, thường xuyên diễn biến thời tiết để nhân dân chủ động, tích cực thực hiện các biện pháp, phòng chống đói rét, dịch bệnh cho đàn gia súc, phân công các cán bộ bám sát cơ sở, hướng dẫn nhân dân thực hiện đồng bộ các giải pháp chăm sóc, phòng chống dịch bệnh bảo vệ đàn gia súc.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn nhân dân che chắn chuồng trại, dự trữ thức ăn, chăm sóc và sử dụng hợp lý gia súc trong mùa đông, tuyệt đối không được chăn thả gia súc khi nhiệt độ xuống dưới 12⁰C và cho gia súc nghỉ làm việc; giữ khô nền chuồng, che chắn tránh gió lùa, làm áo khoác giữ ấm, tạo nguồn nhiệt (đốt trấu, củi) sưởi ấm cho trâu, bò; vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại, xử lý gia súc chết và chất thải vật nuôi. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ đàn vật nuôi để phòng dịch bệnh xảy ra, khi phát hiện gia súc bị bệnh phải có biện pháp can thiệp kịp thời.

- Đối với gieo cấy lúa vụ Đông Xuân: Gieo mạ theo đúng lịch thời vụ và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn, che phủ nylon trong suốt tạo hiệu ứng nhiệt, đảm bảo đủ nước, bón phân cân đối, đặc biệt là phân lân, kali, tro bếp; không cấy lúa vào những ngày có thời tiết dưới 15⁰C, bón phân cân đối.

- Đối với cây trồng vụ Đông: Giữ ấm cho các vườn cây giống, hằng ngày tưới đủ ẩm, ủ gốc bằng mùn, rơm, rạ để giữ ấm và giữ ẩm cho cây. Khi có hiện tượng sương muối, buổi sáng cần tưới phun để rửa lớp băng giá trên lá, tránh hiện tượng bị vỡ tế bào gây hiện tượng “luộc lá”.

4. Khắc phục hậu quả

- Tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp trên. Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Thủ tướng Chính phủ.

- Các địa phương triển khai các biện pháp phục hồi sản xuất nông nghiệp, báo cáo UBND tỉnh hỗ trợ khắc phục thiệt hại theo các quy định hiện hành.

VI. LỐC, SÉT, MƯA ĐÁ

1. Cấp độ rủi ro thiên tai

1.1. Cấp độ rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá: Có 2 cấp.

1.1.1. Cấp độ 1: Xảy ra khi cảnh báo lốc, sét, mưa đá xảy ra trên phạm vi dưới 1/2 số huyện, xã trong phạm vi 1 tỉnh hoặc nhiều tỉnh không liền kề.

1.1.2. Cấp độ 2: Xảy ra khi cảnh báo lốc, sét, mưa đá xảy ra trong phạm vi từ 1/2 số huyện, xã trở lên của 1 tỉnh.

2. Phương án ứng phó: Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể.

2.1. Lốc: Rà soát, thống kê các khu vực trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thường xuyên xảy ra dông lốc. Chính quyền địa phương các cấp cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng.

2.1.1. Trên biển

- Chủ tàu thuyền khi ra biển phải có phao cứu sinh và toàn bộ thủy thủ, thuyền viên phải mặc áo phao khi đang ở trên biển.

- Khi thấy ồ mây dông thì phải nhanh chóng trở vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh trú an toàn.

- Tổ chức hợp lý đội hình khai thác trên biển theo tổ, đội, trong đó đảm bảo cự ly, khoảng cách hợp lý giữa các tàu thuyền để hỗ trợ nhau khi gặp nạn.

2.1.2. Trên đất liền

- Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên chằng chống, gia cố nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng lốc xoáy. Ở khu vực cửa biển, ven biển, nơi trồng trái, nên nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibro xi măng, ngói có thể gia cố mái nhà bằng các loại thanh nẹp gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có lốc xoáy.

- Tổ chức chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, mục rỗng, nằm gần nhà ở, lưới điện, các công trình xây dựng, khu dân cư,....

- Khi trời mưa lớn kèm theo dông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn. Khi xảy ra lốc xoáy mọi người phải tìm những nơi trú ẩn an toàn như các nhà kiên cố, tránh núp dưới bóng cây, nhà tạm bợ dễ bị gãy đổ gây tai nạn. Tuyên truyền, vận động đến các hộ dân có nhà kiên cố tiếp nhận những người dân trú ẩn khi xảy ra lốc xoáy với tinh thần tương thân, tương trợ lẫn nhau.

- Trong trường hợp đang làm việc trên cánh đồng hoặc đi trên đường mà gặp lốc xoáy, cần nhanh chóng tìm nơi tránh trú an toàn.

2.2. Sét

2.2.1. Tránh sét trong nhà: Khi trời sắp xảy ra dông, biện pháp tránh sét tốt nhất là về nhà. Chỗ an toàn để tránh sét là các tòa nhà kiên cố hay công sở có lắp đặt hệ thống chống sét (đơn giản nhất là cột thu lôi Franklin),.... Khi ở trong nhà thì nên đứng xa cửa sổ, cửa ra vào, các đồ dùng điện, tránh các chỗ ẩm ướt như buồng tắm, bể nước, vòi nước, không nên dùng điện thoại trừ trường hợp rất cần thiết. Nên ngắt toàn bộ nguồn điện của ngôi nhà và hệ thống cáp điện thoại, truyền hình hoặc dây nối ăng ten với vô tuyến,....

2.2.2. Tránh sét ngoài trời

- Trong trường hợp không kịp tìm nơi tránh trú an toàn, tuyệt đối không tránh trú tại các cây to, tránh các khu vực cao hơn xung quanh, tránh xa các vật dụng kim loại như xe đạp, máy, hàng rào sắt,....

- Tìm chỗ khô ráo, nếu xung quanh có cây cao hơn thì nên tìm chỗ thấp, tìm vị trí cây thấp. Người ở vị trí càng thấp càng tốt, tay ôm cổ; phần tiếp xúc của người với mặt đất là ít nhất; nhón chân, không được nằm xuống đất.

- Sét gây tác hại hệ thần kinh, gãy xương, mất thính giác, thị giác, hay trí nhớ. Người bị sét đánh cần được cứu trợ ngay tức khắc, nếu bị ngất (tim ngừng đập, tắt thở) phải thực hiện khẩn cấp các động tác hô hấp, trợ tim nhân tạo, đặc biệt cần thận trọng không di dời những nạn nhân nếu nghi ngờ bị gãy cột sống, để những nơi bị bỏng phải khô và tìm cách nhanh nhất để nhân viên y tế cấp cứu.

2.3. Mưa đá

- Hiện nay, chưa dự báo chính xác được mưa đá và khu vực xảy ra. Người dân ở các khu vực hay có mưa đá cần thường xuyên theo dõi thông tin thời tiết để sớm biết có khả năng xảy ra mưa đá và luôn chuẩn bị sẵn các phương án trú tránh an toàn cho người, vật nuôi và hạn chế tác hại của mưa đá đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc,....

- Đối với cây trồng hoặc hoa màu dễ bị nát dập, có thể dựng giàn che dọc theo luống, nên làm giàn dạng mái hình tam giác sẽ giúp giảm tác động của hạt mưa đá khi va chạm, đá sẽ rơi xuống hai bên luống cây mà không đâm thủng giàn che, chú ý cọc chống phải chắc chắn.

- Đối với mái nhà, cần thường xuyên kiểm tra tình trạng của mái nhà và gia cố lại mái. Ở những chỗ trọng yếu nên sử dụng các vật liệu có thể chống chịu với va đập. Xây dựng mái nhà dốc xuống hai bên, cách dựng mái nhà này sẽ làm giảm lực tác động từ mưa đá (mưa đá va vào mái nhà ở một góc độ 90 độ sẽ gây ra thiệt hại nhiều hơn mưa đá rơi xuống mái nhà theo một góc lệch).

- Nếu đang đi ngoài đường mà gặp mưa đá, nên lập tức dừng lại tìm chỗ tránh trú, đội mũ bảo hiểm để tránh đá rơi vào đầu, chờ đá trên đường tan hết mới tiếp tục di chuyển để tránh trơn ngã.

3. Công tác khắc phục hậu quả

Sau khi xảy ra lốc, sét, mưa đá, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị để nhanh chóng khắc phục khẩn trương và có hiệu quả, tập trung một số công việc:

- Cứu nạn cho người và bảo vệ tài sản.

- Sửa chữa, khắc phục nhà sập, nhà tốc mái,....

- Khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc.

- Cứu trợ các cá nhân, gia đình bị thiệt hại.

- Tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp trên. Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Thủ tướng Chính phủ.

- Các địa phương triển khai các biện pháp phục hồi sản xuất, báo cáo UBND tỉnh hỗ trợ khắc phục thiệt hại theo các quy định hiện hành.

VII. PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM VÀ PHỐI HỢP TRONG ỨNG PHÓ RỦI RO THIÊN TAI

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1

- Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Chủ tịch UBND cấp xã được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

+ Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện.

+ Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

- Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn cấp xã phải phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc người được ủy quyền.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp huyện hỗ trợ.

- Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Chủ tịch UBND cấp huyện được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

+ Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện.

+ Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2

- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó

kip thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

- Chủ tịch UBND tỉnh được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

+ Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng kiểm ngư và các tổ chức, cá nhân tình nguyện.

+ Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của tỉnh, vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai và của tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 7, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

- Các lực lượng tham gia hỗ trợ phòng, chống thiên tai tại địa phương phải phối hợp chặt chẽ và theo sự chỉ huy thống nhất của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc người được ủy quyền.

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 3

- Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn, tuân thủ sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3, Điều 8, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

4. Rủi ro thiên tai cấp độ 4

- Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn, tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3, Điều 8, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính

phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

5. Ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai

- Theo quy định tại Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, trường hợp thiên tai vượt cấp độ 4, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai.

- Việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

VIII. LỰC LƯỢNG, VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Lực lượng

Các ngành, các địa phương đã rà soát, bổ sung, hoàn thiện phương án huy động lực lượng tham gia công tác PCTT và TKCN; ngoài ra, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã ký kết hiệp đồng với các đơn vị lực lượng vũ trang của Quân khu 4 đóng quân trên địa bàn tỉnh sẵn sàng tham gia công tác PCTT và TKCN. Tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (559 đơn vị) đã thành lập, củng cố, kiện toàn Đội Xung kích phòng, chống thiên tai với 56.618 người tham gia.

(Chi tiết có phụ lục 4 kèm theo)

2. Về chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị

- Ngoài vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai của nhà nước, các huyện, thị xã, thành phố đã tích cực chuẩn bị vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai theo chỉ tiêu tỉnh giao, đến nay toàn tỉnh đã chuẩn bị được: đất 98.232 m³; đá hộc 43.815m³; đá dăm 11.407 m³; cát 7.605 m³; cọc tre 180.853 cọc; rọ tre, rọ thép 31.252 cái; bao tải 1.045.422 cái.

- Các cấp, các ngành đã xây dựng phương án và chuẩn bị sẵn sàng 196 chiếc xe cứu hộ, cứu thương, chữa cháy; 775 chiếc tàu, thuyền, ca nô, xuồng, mô tô nước cứu hộ, cứu nạn; 3.307 chiếc ô tô chở người; 1.943 chiếc ô tô tải; 961 chiếc xe máy (ủi, xúc); 75 bộ vượt sông nhẹ; 469 nhà bạt cứu sinh; 23.835 phao áo cứu sinh; 18.395 phao tròn cứu sinh; 382 phao bè; 16.841 bộ áo mưa chuyên dùng, để sẵn sàng ứng cứu và xử lý các tình huống khi có bão, lũ xảy ra.

(Chi tiết có các phụ lục 5, 5a, 5b kèm theo)

3. Về đảm bảo hậu cần: Các cấp, các ngành đã chuẩn bị:

- Gạo tẻ 1.765 tấn; mỳ tôm, lương khô 672.837 thùng; nước uống đóng chai 713.967 thùng; muối iốt 11.849 tấn; dầu Diezel 409.417 lít; xăng 177.041 lít; dầu hỏa 74.612 lít;....

- 75 tổ vận chuyển cấp cứu; 37 đội phẫu thuật; 65 đội vệ sinh phòng dịch; 46 cơ sở y dụng cụ; 158 cơ sở thuốc và 670 giường bệnh; 5.629 tấn phèn chua; 485.527 viên và 16 tấn cloramin B và nhiều hóa chất khác.

- Những hàng hóa liên quan phục vụ cứu trợ trong phòng, chống thiên tai được Sở Công Thương giao cho các đơn vị trực thuộc chủ động chuẩn bị đầy đủ, đặc biệt tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng ven biển thường xảy ra thiên tai; xây dựng phương án dự trữ hàng hóa, nhu yếu phẩm cần thiết, đặc biệt là mỳ ăn liền, lương khô, nước uống đóng chai, xăng dầu,....

(Chi tiết có phụ lục 6 kèm theo)

PHẦN VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Căn cứ Phương án này, yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh Phương án của ngành, đơn vị, địa phương mình theo từng năm để tổ chức thực hiện có hiệu quả. Trong chỉ đạo, điều hành ứng phó thiên tai cần tập trung lực lượng, phương tiện ứng cứu các khu vực xung yếu, sơ tán dân đến nơi an toàn để tránh xảy ra thiệt hại về người, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về tài sản.

- Các tổ chức, lực lượng đứng chân trên địa bàn các địa phương phải chịu sự điều động và chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tại địa phương.

- Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp huyện và đơn vị thực hiện nhiệm vụ được phân công; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh (trực tiếp qua Văn phòng thường trực Chỉ huy PCTT và Văn phòng thường trực Chỉ huy PTDS, ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN) theo quy định để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

PHỤ LỤC 2

Tổng hợp dân cư sinh sống ở bãi sông trên các tuyến sông có đê từ cấp III-I cần phải sơ tán khi có lũ năm 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Huyện, TP	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN		SƠ TÁN TẠI CHỖ		SƠ TÁN TẬP TRUNG									
						Tổng cộng		Khi dự báo lũ ở mức BĐI		Khi dự báo lũ ở mức trên BĐI đến BĐII		Khi dự báo lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII		Khi dự báo lũ ở mức trên BĐIII	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	TỔNG CỘNG	17.219	60.743	3.396	12.543	13.823	48.200	226	806	2.819	9.386	4.250	14.670	6.528	23.338
1	Huyện Hậu Lộc	560	2.092	151	594	409	1.498	0	0	0	0	280	1.013	129	485
2	Huyện Hà Trung	1.166	3.991	240	933	926	3.058	0	0	114	383	542	1.569	270	1.106
3	Huyện Nga Sơn	309	1.062	241	802	68	260	0	0	0	0	65	249	3	11
4	Huyện Thọ Xuân	2.972	10.180	131	523	2.841	9.657	84	311	1.415	4.425	227	715	1.115	4.206
5	Huyện Thiệu Hóa	374	1.355	0	0	374	1.355	0	0	0	0	0	0	374	1.355
6	Huyện Vĩnh Lộc	3.188	11.387	138	549	3.050	10.838	0	0	0	0	395	1.414	2.655	9.424
7	Huyện Yên Định	3.713	13.801	1.632	5.851	2.081	7.950	142	495	848	3.153	663	2.529	428	1.773
8	Huyện Hoằng Hóa	955	2.791	301	1.145	654	1.646	0	0	0	0	239	705	415	941
9	TP. Thanh Hóa	3.982	14.084	562	2.146	3.420	11.938	0	0	442	1.425	1.839	6.476	1.139	4.037

PHỤ LỤC 2a

Tổng hợp dân cư sinh sống ở bãi sông trên các tuyến sông có đê từ cấp IV-V cần phải sơ tán khi có lũ năm 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Huyện, TX, TP	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN		SƠ TÁN TẠI CHỖ		SƠ TÁN TẬP TRUNG									
						Tổng cộng		Khi dự báo lũ ở mức BDI		Khi dự báo lũ ở mức trên BDI đến BDI		Khi dự báo lũ ở mức trên BDI đến BDI		Khi dự báo lũ ở mức trên BDI	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	TỔNG CỘNG	12.448	48.069	3.651	13.601	8.797	34.468	43	167	129	475	2.152	8.176	6.473	25.650
1	Huyện Triệu Sơn	2.068	7.449	1.131	4.169	937	3.280	0	0	11	42	249	1.066	677	2.172
2	Huyện Nông Cống	2.103	9.236	0	0	2.103	9.236	0	0	0	0	286	1.260	1.817	7.976
3	Huyện Quảng Xương	228	1.021	167	734	61	287	0	0	0	0	39	172	22	115
4	TP. Sầm Sơn	8	34	0	0	8	34	0	0	0	0	8	34	0	0
5	Huyện Hậu Lộc	159	569	7	35	152	534	27	105	22	73	16	42	87	314
6	Huyện Nga Sơn	378	864	223	433	155	431	0	0	0	0	126	333	29	98
7	Huyện Hà Trung	1.012	3.616	584	2.004	428	1.612	0	0	6	24	262	1.027	160	561
8	Huyện Thọ Xuân	204	781	0	0	204	781	1	2	0	0	24	85	179	694
9	Huyện Thiệu Hóa	602	2.514	0	0	602	2.514	0	0	0	0	0	0	602	2.514
10	Huyện Yên Định	1.520	5.997	673	2.779	847	3.218	0	0	53	191	350	1.270	444	1.757
11	Huyện Thạch Thành	2.399	9.187	729	2.949	1.670	6.238	0	0	0	0	246	809	1.424	5.429
12	Huyện Vĩnh Lộc	650	2.467	0	0	650	2.467	0	0	0	0	0	0	650	2.467
13	Thị xã Nghi Sơn	714	2.861	0	0	714	2.861	0	0	6	25	443	1.723	265	1.113
14	Thị xã Bim Sơn	371	1.343	137	498	234	845	15	60	31	120	103	355	85	310
15	Huyện Hoằng Hóa	32	130	0	0	32	130	0	0	0	0	0	0	32	130

PHỤ LỤC 2b**Tổng hợp dân cư sinh sống ở khu vực ven sông nơi không có đê năm 2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Huyện	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN		Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ			
				Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	TỔNG CỘNG	11.073	44.825	2.201	8.877	8.872	35.948
1	Huyện Cẩm Thủy	744	2.246	0	0	744	2.246
2	Huyện Lang Chánh	24	100	14	52	10	48
3	Huyện Bá Thước	361	1.537	289	1.194	72	343
4	Huyện Quan Hóa	114	493	71	282	43	211
5	Huyện Thạch Thành	1.609	6.922	873	3.781	736	3.141
6	Huyện Thọ Xuân	2.232	8.104	721	2.630	1.511	5.474
7	Huyện Thường Xuân	986	4.045	68	265	918	3.780
8	Huyện Mường Lát	15	58	15	58	0	0
9	Huyện Như Xuân	178	733	150	615	28	118
10	Huyện Nông Cống	4.810	20.587	0	0	4.810	20.587

PHỤ LỤC 2c**Tổng hợp dân cư sinh sống ở khu vực có khả năng ngập lụt khi có mưa lớn năm 2021***(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Huyện, TX	Tổng số dân phải sơ tán		Số dân ở vùng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn			
				Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	TỔNG CỘNG	19.645	73.600	10.926	40.216	8.719	33.384
1	Huyện Triệu Sơn	1.358	5.166	808	3.114	550	2.052
2	Huyện Như Thanh	275	1.095	237	923	38	172
3	Huyện Cẩm Thủy	141	549	0	0	141	549
4	Thành phố Sầm Sơn	4.761	19.489	3.130	12.549	1.631	6.940
5	Thị xã Nghi Sơn	2.240	7.663	1.829	6.034	411	1.629
6	Huyện Như Xuân	144	609	25	103	119	506
7	Huyện Bá Thước	201	821	158	630	43	191
8	Huyện Lang Chánh	6	21	6	21	0	0
9	Huyện Quan Hóa	96	385	96	385	0	0
10	Huyện Thạch Thành	763	3.076	592	2.398	171	678
11	Huyện Hà Trung	3.021	9.981	1.632	5.088	1.389	4.893
12	Huyện Thọ Xuân	1.022	3.697	67	195	955	3.502
13	Huyện Vĩnh Lộc	487	1.722	3	12	484	1.710
14	Huyện Thường Xuân	1.377	5.618	494	2.110	883	3.508
15	Huyện Yên Định	647	2.509	441	1.726	206	783
16	Huyện Nga Sơn	174	539	108	322	66	217
17	Thị xã Bim Sơn	213	876	129	542	84	334
18	Huyện Hậu Lộc	2.697	9.697	1.149	3.977	1.548	5.720
19	Huyện Quan Sơn	22	87	22	87	0	0

PHỤ LỤC 3

Tổng hợp dân cư sinh sống ở khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Huyện	Số hộ	Số khẩu
	TỔNG CỘNG	2.778	11.897
1	Huyện Triệu Sơn	180	726
2	Huyện Như Thanh	129	513
3	Huyện Cẩm Thủy	189	905
4	Huyện Thọ Xuân	86	321
5	Huyện Lang Chánh	166	699
6	Huyện Như Xuân	109	426
7	Huyện Thường Xuân	837	3.503
8	Huyện Bá Thước	66	251
9	Huyện Quan Hóa	165	744
10	Huyện Thạch Thành	494	2.114
11	Huyện Mường Lát	102	567
12	Huyện Quan Sơn	255	1.128

PHỤ LỤC 3a

Tổng hợp dân cư sinh sống ở khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở đất năm 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Huyện	Số hộ	Số khẩu
	TỔNG CỘNG	5.725	23.868
1	Huyện Triệu Sơn	207	801
2	Huyện Như Thanh	193	798
3	Huyện Cẩm Thủy	221	904
4	Huyện Thọ Xuân	318	1.269
5	Huyện Như Xuân	160	674
6	Huyện Thường Xuân	390	1.704
7	Huyện Bá Thước	465	1.876
8	Huyện Quan Hóa	695	3.093
9	Huyện Thạch Thành	398	1.517
10	Huyện Mường Lát	505	2.548
11	Huyện Quan Sơn	554	2.415
12	Huyện Lang Chánh	220	935
13	Huyện Hà Trung	928	3.479
14	Thị xã Bim Sơn	175	690
15	Thị xã Nghi Sơn	125	447
16	Huyện Hậu Lộc	115	486
17	Huyện Vĩnh Lộc	56	232

PHỤ LỤC 4
Tổng hợp nhân lực huy động tham gia công tác Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Lực lượng	Toàn tỉnh (Người)	Cẩm Thủy	Như Xuân	Nông Cống	Quảng Xương	TX. Bim Sơn	Hoàng Hóa	Như Thanh	Thường Xuân	Lang Chánh	Ngọc Lặc	Đông Sơn	Quan Sơn	Mường Lát	Sầm Sơn	Thạch Thành	Thị xã Nghi Sơn	Bá Thước	Yên Định	Quan Hóa	Nga Sơn	Thiệu Hóa	Triệu Sơn	Hậu Lộc	Vĩnh Lộc	Thọ Xuân	Hà Trung	TP. Thanh Hóa
1	Quân đội (Bộ CHQS tỉnh, Ban CHQS huyện)	17.744																											
2	Bộ đội Biên phòng tỉnh	1.340																											
3	Công an (Công an tỉnh, huyện)	1.500																											
4	Xung kích	56.618	850	978	2.030	1.890	360	3.268	1.071	1.049	704	730	980	721	336	882	1.923	4.650	1.202	4.200	1.113	3.312	4.476	2.870	2.468	1.293	7.640	2.222	3.400
5	Y tế	3.363	102	55	136	89	34	148	59	156	30	45	30	100	90	48	120	128	137	160	415	101	260	152	95	182	143	108	240
6	Thanh niên tình nguyện	18.457	2.000	544	327	950	135	185	566	572	300	50	42	800	1.000	281	819	1.096	125	450	1.040	762	450	522	270	527	619	625	3.400
7	Doanh nghiệp huy động	3.041	650	30	35	450	127	135	19	95	20	30	30	60	30	62	40	235	60	100	80	136	50	30	30	136	156	181	34
8	Hội Chữ thập đỏ	1.868	21	145	35	175	22	39	30	61	5	25	15	12	30	99	60	390	22	1	28	123	50	4	80	19	73	236	68
9	Dân quân tự vệ	24.830	680	720	224	1.950	161	884	754	614	300	570	225	120	350	412	1.200	1.364	351	1.706	1.504	1.509	492	2.028	700	926	1.009	677	3.400
10	Công an xã	3.709	85	48	256	305	51	187	73	85	30	70	42	48	40	85	180	252	134	300	92	159	125	364	110	75	256	189	68
11	Hội Phụ nữ	10.030	34	175	69	350	113	74	156	125	100	325	70	100	200	197	200	455	327	31	1.843	826	350	251	220	1.998	785	588	68
12	Hội Nông dân	10.537	34	175	69	400	123	74	170	120	200	450	70	50	30	182	200	602	477	30	1.897	905	380	251	210	1.784	931	655	68
13	Đoàn thể khác	8.646	68	493	320	250	119	74	47	162	150	70	70	50	300	219	200	414	373	156	323	831	410	270	190	1.835	571	545	136
14	Cán bộ, công nhân, viên chức	35.073	23.758	388	982	950	128	481	476	398	100	45	45	150	390	181	600	778	497	542	466	581	125	389	370	359	581	599	714
15	Lực lượng khác	17.550	-	50	320	-	460	74	1.183	335	200	130	180	-	260	-	270	2.526	163	3.500	44	530	273	2.500	200	-	-	952	3.400
	Tổng cộng	214.306	28.282	3.801	4.803	7.759	1.833	5.623	4.604	3.772	2.139	2.540	1.799	2.211	3.056	2.648	5.812	12.890	3.868	11.176	8.845	9.775	7.441	9.631	4.943	9.134	12.764	7.577	14.996

PHỤ LỤC 5

Tổng hợp vật tư phục vụ công tác Phòng, chống thiên tai năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	VẬT TƯ	Đơn vị	Tổng cộng	Vật tư Nhà nước	Nông Công	Quảng Xương	TX. Bim Sơn	Đông Sơn	Thạch Thành	TX. Nghi Sơn	Nga Sơn	Thọ Xuân	Thiệu Hóa	Yên Định	Hoàng Hóa	Hậu Lộc	Hà Trung	Vĩnh Lộc	Triệu Sơn	TP. Thanh Hóa	TP. Sầm Sơn	Cẩm Thủy	Như Xuân	Như Thanh	Thường Xuân	Lang Chánh	Ngọc Lặc	Quan Sơn	Mường Lát	Bá Thước	Quan Hóa
1	Đá hộc	m ³	43.815	32.766	218	0	50	50	130	214	310	207	734	268	165	375	793	175	306	0	87	0	1.000	453	0	0	0	2.000	1.648	218	1.648
2	Đá dăm, sỏi	m ³	11.407	3.725,2	126	0	30	40	74	147	190	108	195	253	148	58	59	102	29	0	51	287	1.000	130	0	0	0	1.500	1.385	385	1.385
3	Cát	m ³	7.605	0	151	0	20	20	87	162	275	121	152	199	150	40	58	72	75	0	575	287	200	360	0	0	0	1.000	2.240	70	1.291
4	Đất	m ³	98.232	0	5.455	0	1.000	2.200	1.545	6.820	1.930	4.368	18.797	6.200	1.000	12.700	2.845	2.520	14.400	0	860	317	5.000	639	0	100	0	2.500	3.288	460	3.288
5	Rọ thép	cái	31.252	4.102	806	0	250	60	503	696	2.230	1.678	4.249	4.172	825	5.218	602	726	1.419	0	550	0	100	255	0	50	30	500	943	345	943
6	Bao tải	chiếc	1.045.422	541.008	16.725	0	4.000	2.050	14.000	35.693	65.008	23.945	48.400	28.760	16.250	73.050	17.750	31.600	38.137	0	11.200	20.774	10.000	1.540	840	1.000	17.000	1.000	11.346	3.000	11.346
7	Bạt	m ²	141.117	54.500	0	0	150	250	0	2.018	0	10.937	6.900	0	5.390	12.880	0	3.860	6.632	0	2.350	3.070	2.000	230	1.000	0	14.000	5.000	3.520	1.460	4.970
8	Cọc tre	cái	180.853	0	11.835	0	500	1.300	3.270	6.780	17.895	8.466	23.546	15.183	9.650	18.570	8.870	4.530	17.038	0	2.400	0	1.600	4.560	1.190	1.000	10.000	5.000	2.000	4.870	800
9	Phên liếp	m ²	53.215	0	2.775	0	1.500	0	1.075	0	23.915	1.734	6.991	5.295	0	7.850	2.080	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Rơm rạ	kg	24.025	0	5.245	0	0	200	0	3.900	5.230	0	0	0	0	0	800	1.750	6.750	0	150	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Tre cây	cây	31.146	0	6.190	0	210	790	0	3.094	5.602	1.350	810	2.770	0	0	1.590	1.100	6.940	0	700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Bó rỗng	bó	4.945	0	0	0	0	0	0	150	1.360	543	710	1.440	0	0	90	150	452	0	50						0				

